

GIÁO DỤC HÁN HỌC TRONG BIẾN ĐỘNG VĂN HÓA XÃ HỘI: VIỆN HÁN HỌC HUẾ (1959-1965)⁽¹⁾

Nguyễn Tuấn Cường*

Sau Hiệp định Genève năm 1954, đất nước Việt Nam chia làm hai nửa Bắc và Nam, ngăn cách bởi vĩ tuyến 17 dọc sông Bến Hải thuộc tỉnh Quảng Trị. Một cuộc chiến dai dẳng đã diễn ra giữa hai bên, và chỉ chấm dứt sau đó 20 năm, vào thời khắc lịch sử ngày 30/4/1975 khi Tổng thống Dương Văn Minh của chế độ Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam tuyên bố đầu hàng. Xã hội miền Nam Việt Nam (MNVN) giai đoạn 1955-1975 nằm trong quá trình hiện đại hóa với những sắc thái văn hóa mới đến từ Âu Mỹ, điều này đã tạo sức ép lên việc duy trì các thiết chế văn hóa truyền thống, đặc biệt là truyền thống Hán học. Trong bối cảnh ấy, Viện Hán học (VHH) thuộc Viện Đại học Huế (1957-1975, VDH Huế) đã tồn tại với tư cách đơn vị giáo dục Hán học của chính quyền MNVN đương thời. Số phận đặc biệt của VHH khiến cho đơn vị đào tạo Hán học này ít được nhắc tới, kể cả trong những cuốn sách kỷ niệm về VDH Huế.⁽²⁾ Lịch sử và sự tồn tại của VHH trở thành một ký ức ngày càng phai nhạt dần, ít người biết tới; nếu được nhắc đến cũng chỉ dưới dạng ký ức hoặc kỷ niệm cá nhân, mà thiếu vắng nguồn sử liệu.⁽³⁾

Dưới đây, lịch sử của VHH sẽ được trình bày thông qua sự kết hợp hai nguồn tư liệu, một là tư liệu lịch sử, tức nguồn công văn hành chính và báo chí đương thời liên quan đến hoạt động của VHH; hai là tư liệu ký ức của cựu sinh viên, thông qua các bài viết của họ đã công bố, cũng như qua những trao đổi riêng giữa họ với tác giả.⁽⁴⁾

1. Thành lập

Nghị định thành lập VHH

Viện Hán học được chính quyền MNVN cho phép thành lập cuối năm 1959, theo Nghị định số 389-GD ngày 08/10/1959 của Tổng thống Ngô Đình Diệm. Toàn văn nghị định này như sau:⁽⁵⁾

NGHỊ-ĐỊNH số 389-GD ngày mồng 8 tháng mười năm 1959 thiết-lập viện Hán-học Huế.

TỔNG-THỐNG VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Chiếu sắc-lệnh số 4-TTP ngày 29 tháng mười năm 1955 và các văn-kiện kế-tiếp, ấn-định thành-phần Chánh-phủ;

Chiếu những văn kiện tổ-chức viện đại-học Quốc-gia Việt-nam và những trường chuyên-môn đặt thuộc quyền bộ quốc-gia giáo-dục;

Chiếu sắc-lệnh số 45-GD ngày mồng 1 tháng ba năm 1957 thiết-lập viện đại-học Huế;

Chiếu nghị-định số 95-GD ngày mồng 1 tháng ba năm 1957 mở các lớp tại viện đại-học Huế trong niên-khóa 1957-1958;

* Viện Nghiên cứu Hán Nôm Việt Nam.

Chiếu nghị-định số 61-GD ngày 21 tháng hai năm 1959 thiết-lập và tổ-chức các khóa đại-học và trường cao-đẳng chuyên-môn tại viện đại-học Huế kể từ niên-khóa 1958-1959;

Chiếu đề-nghị của bộ quốc-gia giáo-dục,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều thứ nhất.--- Nay thiết-lập tại viện đại-học Huế một trường đại-học chuyên dạy Hán-văn gọi là "Viện Hán-học".

Điều thứ 2.--- Viện Hán-học đặt dưới quyền điều khiển của một giám-đốc do bộ-trưởng quốc-gia giáo-dục bổ-nhiệm.

Điều thứ 3.--- Số sinh-viên ưu-tú của viện Hán-học được cấp học-bổng và định-xuất học-bổng sẽ do nghị-định bộ-trưởng quốc-gia giáo-dục ấn-định.

Điều thứ 4.--- Tổ-chức nội-bộ của viện Hán-học, điều-kiện và thể-thức thi nhập học, chương-trình học khóa, thể thức thi lên lớp và thi mãn khóa, việc cấp-phát văn-bằng tốt-nghiệp sẽ do nghị-định bộ-trưởng quốc-gia giáo-dục ấn-định sau.

Điều thứ 5.--- Kinh-phí về việc thiết-lập và hoạt-động của viện Hán-học do ngân-sách quốc-gia (bộ quốc-gia giáo-dục) đài-tho.

Điều thứ 6.--- Viện Hán-học có thể tổ-chức những ban nghiên-cứu Đông-y, dịch-thuật sách vở và tài-liệu Hán-văn và dạy Hán-văn theo lối hàm-thụ. Việc tổ-chức các ban trên đây sẽ do nghị-định bộ-trưởng quốc-gia giáo-dục ấn-định, theo đề-nghị của viện-trưởng viện đại-học Huế.

Điều thứ 7.--- Bộ trưởng tại phủ Tổng-thống và bộ-trưởng quốc-gia giáo-dục, chiếu nhiệm-vụ, thi-hành nghị-định này.

Sài-gòn, ngày mồng 8 tháng mười năm 1959

NGÔ ĐÌNH DIỆM

NGHỊ-ĐỊNH số 389-GD ngày mồng 8 tháng mười năm 1959 thiết-lập viện Hán-học Huế. TỔNG-THỐNG VIỆT-NAM CỘNG-HÒA. Chiếu sắc-lệnh số 4-TTP ngày 29 tháng mười năm 1955 và các văn-bản kế tiếp, ấn-định thành-phần Chính-phủ ; Chiếu sắc-lệnh số 45-GD ngày 1 tháng ba năm 1957 thiết-lập viện đại-học Huế ; Chiếu nghị-định số 61-GD ngày 21 tháng hai năm 1959 thiết-lập và tổ-chức các khóa đại-học và trường cao-đẳng chuyên-môn tại viện đại-học Huế kể từ niên-khóa 1958-1959 ; Chiếu đề-nghị của bộ quốc-gia giáo-dục, NGHỊ-ĐỊNH : Điều thứ nhất.--- Nay thiết-lập tại viện đại-học Huế một trường đại-học chuyên dạy Hán-văn gọi là "Viện Hán-học". Điều thứ 2.--- Viện Hán-học đặt dưới quyền điều-khiển của một giám-đốc do bộ-trưởng quốc-gia giáo-dục bổ-nhiệm.	Điều thứ 3.--- Số sinh-viên ưu-tú của viện Hán-học được cấp học-bổng và định-xuất học-bổng sẽ do nghị-định bộ-trưởng quốc-gia giáo-dục ấn-định. Điều thứ 4.--- Tổ-chức nội-bộ của viện Hán-học, điều-khiển và thể-thức thi nhập-học, chương-trình học khóa, thể-thức thi lên lớp và thi mãn khóa, việc cấp-phát văn-bằng tốt-nghiệp sẽ do nghị-định bộ-trưởng quốc-gia giáo-dục ấn-định sau. Điều thứ 5.--- Kinh-phí về việc thiết-lập và hoạt-động của viện Hán-học do ngân-sách quốc-gia (bộ quốc-gia giáo-dục) đài-tho. Điều thứ 6.--- Viện Hán-học có thể tổ-chức những ban nghiên-cứu Đông-y, dịch-thuật sách vở và tài-liệu Hán-văn và dạy Hán-văn theo lối hàm-thụ. Việc tổ-chức các ban trên đây sẽ do nghị-định bộ-trưởng quốc-gia giáo-dục ấn-định, theo đề-nghị của viện-trưởng viện đại-học Huế. Điều thứ 7.--- Bộ trưởng tại phủ Tổng-thống và bộ-trưởng quốc-gia giáo-dục, chiếu nhiệm-vụ, thi-hành nghị-định này. Sài-gòn, ngày mồng 8 tháng mười năm 1959 NGÔ ĐÌNH DIỆM
---	---

Ng nghị định 389-GD về việc thành lập Viện Hán học Huế.

Theo nghị định trên, VHH tồn tại với tư cách là một trường đại học kiêm viện nghiên cứu nằm trong một Viện Đại học, ngang hàng với các Đại học Văn khoa, Đại học Luật khoa... Mặc dù trực thuộc VDH Huế, nhưng VHH nằm dưới quyền quyết định tối cao của Bộ Quốc gia Giáo dục (QGGD) về các vấn đề đào tạo, tài chính; còn hoạt động nghiên cứu, dịch thuật và dạy hàm thụ (giáo dục từ xa) thì bộ sẽ quyết định căn cứ theo đề nghị của VDH Huế. Giám đốc VHH do Bộ QGGD bổ nhiệm.

VHH là cơ quan kiêm nhiệm cả đào tạo và nghiên cứu Hán học ở MNVN, tuy nhiên, 2 trách nhiệm đó đều có những đơn vị khác chia sẻ. Về đào tạo Hán học thì còn có các Ban Hán văn hoặc Ban Việt Hán trong các trường Đại học Văn khoa và Đại học Sư phạm ở từng vùng; về nghiên cứu Hán học và phiên dịch thư tịch Hán Nôm thì còn Viện Khảo cổ, Ủy ban Dịch thuật (thuộc Nha Văn hóa, Bộ QGGD), Hội Việt Nam Nghiên cứu Liên lạc Văn hóa Á Châu...

Ở miền Bắc, đơn vị *đào tạo* Hán (Nôm) học ở bậc Đại học đầu tiên được thành lập năm 1972, là Bộ môn Hán Nôm thuộc Khoa Ngữ văn, Đại học Tổng hợp Hà Nội, nay là Bộ môn Hán Nôm, Khoa Văn học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.⁽⁶⁾ Nhưng cần lưu ý, Bộ môn Hán Nôm là một phân khoa (*sub-department*) chuyên về lĩnh vực đào tạo, thuộc một khoa (*department*) nằm trong một phân hiệu đại học (*college*) thuộc một trường đại học tổng hợp (*university*); còn VHH Huế được tách thành một đơn vị riêng, một phân hiệu đại học (*college, faculty*) nằm trong một đại học tổng hợp (*university*), có vị thế cao hơn một khoa. Còn đơn vị *nghiên cứu* Hán Nôm chuyên sâu ở miền Bắc là Ban Hán Nôm (thuộc Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam) được thành lập năm 1970, đến năm 1979 thì đổi thành Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ngày nay trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.⁽⁷⁾ Như vậy, về danh nghĩa, VHH ở MNVN được thành lập sớm hơn về thời gian, và tổng hợp hơn về nhiệm vụ công tác so với các đơn vị ở miền Bắc.

Ngay khi VHH được thành lập tại Huế, tập san *Minh tân* của Hội Khổng học Việt Nam (KHAVN) ở Sài Gòn đã đăng bài viết ngắn tỏ ý hoan nghênh nhiệt liệt sự ra đời của một trung tâm giảng dạy và nghiên cứu Hán học, “vì đã 3 năm nay rồi trong những tài liệu của hội Khổng-học Việt-Nam, cũng như trên mặt báo Minh-tân, chúng tôi đã từng đề nghị lên chính phủ và hô hào nhân dân phải học thêm chữ Hán. Vì sự thực người Việt Nam cũng như Việt văn, không thể không học chữ Hán được. Thì ngày nay sự mong ước của chúng tôi đã được thực hiện”. Tờ báo cũng tỏ ý tiếc rằng dù Sài Gòn là nơi tập trung nhiều sinh viên và học sinh nhất, nhưng lại “chưa hân hạnh được hưởng thụ phần lợi ích cần thiết ấy”, bởi vì một mô hình như VHH mới chỉ có ở Huế, chứ chưa có ở Sài Gòn.⁽⁸⁾

Nguyên nhân thành lập: Mỹ ý của Tổng thống

Về nguyên nhân thành lập viện, theo hồi ức của Nguyễn Lý Tưởng, cựu sinh viên Khóa 1, trong ngày khai giảng khóa đầu tiên, Viện trưởng VDH Huế Cao Văn Luận đọc diễn văn khai mạc đại ý nói rằng “Đây là mỹ ý của Tổng thống Ngô Đình Diệm muốn bảo vệ nền cổ học và văn hóa đạo đức của nước nhà do tổ tiên để lại” [2000: 112]. Bài hồi ức của Lý Văn Nghiên [2009] cũng nhiều

lần nhắc đến “mỹ ý của Tổng thống Ngô Đình Diệm”. Từ đó có thể thấy Ngô Đình Diệm chính là người chủ trương thành lập một đơn vị đào tạo cấp đại học (nằm trong VDH) chuyên đào tạo cử nhân Hán học từ năm 1959.



Các giáo sư và sinh viên Viện Hán học Huế
trong lễ khai giảng niên khóa 1961-1962,
tại Văn phòng Quốc trưởng Bảo Đại, Đại Nội, Huế.

Nhân vật Ngô Đình Diệm (1901-1963) dù xuất thân trong một gia đình Công giáo mộ đạo, bản thân ông cũng là người Công giáo, nhưng lý lịch và cách hành xử của ông vẫn mang đậm tính chất của một con người Nho giáo, gắn với nền Hán học truyền thống. Từ năm 1921 đến năm 1933, ông lần lượt trải qua các chức Tri huyện, Tri phủ, Quản đạo, Tuần vũ (Tuần phủ), và lên đến Thượng thư Bộ Lại dưới triều vua Bảo Đại khi mới 32

tuổi, là Thượng thư trẻ nhất triều Nguyễn lúc bấy giờ, dù chỉ giữ chức này trong vài tháng rồi từ chức do những xung đột chính trị trong triều đình. Khi làm Thủ tướng (từ 1954) và sau đó là Tổng thống (từ 1955) ở MNVN, Ngô Đình Diệm đã thể hiện chính sách quản lý nhà nước “kết hợp giữa đạo đức Công giáo với chủ nghĩa gia trưởng quan lại Nho giáo”, như đánh giá của Don Luce và John Sommer.⁽⁹⁾ Một đánh giá gần như tương tự đến từ Stanley Karnow, khi ông cho rằng Ngô Đình Diệm là “một người Công giáo khổ hạnh ngấm đẫm trong truyền thống Nho giáo, một sự pha trộn giữa tu sĩ và quan lại”.⁽¹⁰⁾ Denis Warner thậm chí còn mô tả Tổng thống Diệm như một “nhà Nho cuối cùng”.⁽¹¹⁾ Gần đây nhất, Edward Miller cho rằng tư tưởng về chính trị và xã hội của Ngô Đình Diệm được hình thành qua một nỗ lực đầy tham vọng bằng cách tổng hợp các trào lưu tư tưởng đương thời, gồm có Công giáo, Nho giáo, và tư tưởng quốc gia.⁽¹²⁾ Truyền thống Nho giáo - Hán học đó hẳn đã thôi thúc Tổng thống Ngô Đình Diệm thiết lập một số thiết chế nhà nước liên quan đến Hán học, trong đó có VHH Huế mà chúng ta đang bàn tới.

2. Tổ chức

Nghị định tổ chức Viện Hán học

Nghị định số 1505-GD/NĐ ra ngày 9/12/1959 do Bộ trưởng Bộ QGGD Trần Hữu Thế ký,⁽¹³⁾ gồm 28 điều quy định tương đối chi tiết về 7 nhóm vấn đề liên quan tới việc tổ chức VHH: mục đích thành lập, các ban học, quản trị, nhân viên, chương trình học, các kỳ thi, văn bằng. Nghị định này chưa quy định về chương trình học và các môn học cụ thể.

Dưới đây sẽ trình bày lại một số nội dung then chốt.

Về mục đích, VHH có mục đích “đào-tạo một số chuyên-viên Hán-văn cần-thiết cho các cơ-quan và các học-đường, nghiên-cứu và dịch-thuật các pho cổ-văn và kim-văn viết bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm và nghiên-cứu Đông-y-học”.

Viện có 3 ban chuyên môn là Ban Hán học, Ban Nghiên cứu và Dịch thuật, Ban Nghiên cứu Đông y dược. Việc phân ban như thế cho thấy viện vừa có vai trò một trường đại học, nhưng cũng là một đơn vị nghiên cứu, chính vì vậy nên không gọi là “Đại học...” như truyền thống gọi tên các trường đại học thuộc VDH ở MNVN giai đoạn 1955-1975. Ở đây tôi sẽ lưu ý tới mảng đào tạo Hán học, là mảng quan trọng nhất của Viện.

NGHỊ-ĐỊNH số 1505-GD/NĐ ngày mùng 9 tháng chạp năm 1959 **lô-chức viện Hán-học Huế.**

Bộ-trưởng quốc-gia giáo-dục,

Chiều sắc-lệnh số 4-TTP ngày 29 tháng mười năm 1955 và các văn-khẩu kế tiếp đã-dịch thành-phần Chính-phủ ;

Chiều sắc-lệnh số 33-GD ngày 10 tháng chín năm 1959 đã-dịch thành-chương lệ-trường quốc-gia giáo-dục ;

Chiều sắc-lệnh số 45-GD ngày mùng 1 tháng ba năm 1957 thiết-lập viện đại-học Huế ;

Chiều nghị-định số 61-GD/NĐ ngày 21 tháng hai năm 1959 thiết-lập tại viện đại-học Huế các khoa đại-học và trường cao-đẳng chuyên-môn ;

Chiều nghị-định số 389-GD ngày mùng 8 tháng mười năm 1959 thiết-lập viện Hán-học thuộc viện đại-học Huế ;

Theo đề-nghị của viện-trưởng viện đại-học Huế,

NGHỊ-ĐỊNH :

Điều thứ nhất.— Viện Hán-học thành-lập do nghị-định số 389-GD ngày 8-10-1959 của Tổng-thống Việt-nam Cộng-hòa được tổ-chức theo những điều-khoản sau đây :

I.— Mục-dịch

Điều thứ 2.— Viện Hán-học mục-dịch đào-tạo một số chuyên-viên và Hào-văn cần-thiết cho các cơ-quan và các học-đường, nghiên-cứu và dịch-thuật các pho cổ-văn và kim-văn viết bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm và nghiên-cứu Đông-y-học.

VII.— Văn-bằng

Điều thứ 26.— Những sinh-viên trúng-tuyển kỳ thi mần khóa sẽ được cấp « văn-bằng tốt-nghiệp viện Hán-học ».

Văn-bằng này do bộ-trưởng quốc-gia giáo-dục cấp.

Điều thứ 27.— Những sinh-viên tốt-nghiệp viện Hán-học có thể được bổ-dụng lần lượt theo thứ-tự trong bảng danh-sách trúng-tuyển mần khóa, tùy theo nhu-cầu công-vụ và khi-năng ngôn-sách, vào các chức-vụ sau với chỉ-số 370 :

— Chuyên-viên tại các tòa đại-sứ và sứ-quán Việt-nam tại các nước thuộc Đông-nam-Á,

— Chuyên-viên tại viện khảo-cổ,

— Giáo-sư trung-học đệ-nhất cấp (ngành Hán-học).

Điều thứ 28.— Đồng-lý văn-phòng, đồng thư-ký bộ quốc-gia giáo-dục, viện-trưởng viện đại-học Huế và giám-đốc viện Hán-học chịu nhiệm vụ, thi-hành nghị-định này.

Sài-gòn, ngày mùng 9 tháng chạp năm 1959

TRẦN HỮU THẾ

Ng nghị định 1505-GD/NĐ về việc tổ chức Viện Hán học Huế (trích).

Về nhân sự, ngoài các nhân viên quản lý và hành chính, đội ngũ nhân viên làm chuyên môn được quy định có 3 nhóm: giảng viên, nhân viên khảo cứu, và dịch thuật viên, tương đương với 3 ban chuyên môn kể trên. Các nhân viên chuyên môn này được “tuyển-dụng trong số các vị khoa-bảng cũ hoặc các công-chức và tư-nhân có thành-tích về Hán-học hay Đông-y-học”. Nhóm giảng viên hưởng lương theo giờ giảng, nhóm nhân viên khảo cứu “được hưởng lương khoán theo thể-lệ hiện-hành cho nhân-viên khế-ước”, nhóm dịch thuật viên hưởng thù lao dịch theo số trang quy định. Viện lập một “Hội đồng quản trị và hoàn bị” gồm 4 nhân viên chính thức đương nhiên⁽¹⁴⁾ và 5 nhân viên chỉ định.⁽¹⁵⁾ Hội đồng họp ít nhất mỗi năm 1 lần vào cuối năm học, có nhiệm vụ lập chương trình hoạt động cho viện để trình bộ, đề xuất các ý kiến để tổ chức các việc thuộc chuyên môn và về tổ chức viện, cho ý kiến về ngân sách, và giúp sinh viên tốt nghiệp tìm công việc. Hội đồng giáo sư gồm Chủ tịch là Giám đốc Viện và tất cả các giảng viên, họp mỗi năm ít nhất 2 lần vào đầu và cuối năm học. Hội đồng giáo sư có các nhiệm vụ: 1) Soạn thảo chương trình học, thời khóa biểu; 2) Soạn thảo nội quy; 3) Nghiên cứu và đề nghị sửa đổi về phương pháp sư phạm; 4) Nghiên cứu và đề nghị sử dụng các sách và tài liệu giáo khoa;

5) Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến danh dự nhà trường, hạnh kiểm và sự học hành của sinh viên; 6) Quyết định về kỷ luật nhà trường, thưởng phạt sinh viên; 7) Cứu xét tất cả các vấn đề do Giám đốc đưa ra.

Về *sinh viên* (của Ban Hán học), mỗi khóa học trong 5 năm. Số lượng tuyển sinh do bộ ấn định theo từng năm. Điều kiện dự tuyển là có quốc tịch Việt Nam, không quá 30 tuổi (sau đó được sửa thành “không quá 20 tuổi”)⁽¹⁶⁾ tính đến ngày 31/12 năm nhập học, có bằng Trung học Đệ nhất cấp hay một văn bằng tương đương. Hồ sơ dự tuyển gồm: 1) Đơn xin dự thi; 2) Bản trích lục giấy khai sinh; 3) Giấy khám sức khỏe không quá 3 tháng; 4) Giấy cho phép của phụ huynh nếu thí sinh còn vị thành niên; 5) Bản sao văn bằng. Sinh viên của viện sẽ theo chế độ áp dụng cho sinh viên các trường cao đẳng chuyên nghiệp, chứ không theo chế độ của các trường đại học. Học bổng và chương trình học chưa được ấn định cụ thể trong nghị định này.

Thi nhập học theo chương trình của lớp Đệ tứ bậc Trung học Đệ nhất cấp (hết lớp 9), gồm có 4 môn thi, trong đó có 3 môn bắt buộc là Luận Việt văn (3 giờ, hệ số 4), Sinh ngữ (dịch Pháp văn hoặc Anh văn ra Việt văn, 2 giờ 30 phút, hệ số 3), Sử địa (2 giờ, hệ số 2), và 1 môn không bắt buộc là Dịch Hán văn ra Việt văn (2 giờ, hệ số 3). Số điểm bài thi môn Dịch Hán văn ra Việt văn chỉ tính khi nào thí sinh được điểm trên trung bình của môn đó. Thí sinh có thể đăng ký dự thi tại Hội đồng giám thị tại Sài Gòn hoặc Hội đồng giám thị tại Huế. Bài thi được niêm phong và gửi kèm hồ sơ về cho Hội đồng giám khảo trung ương đặt ở Huế chấm điểm.

Thi lên lớp được tổ chức vào cuối mỗi năm học, sinh viên chỉ được lên lớp nếu có số điểm trung bình tổng quát từ 12/20 trở lên. Chi tiết về các kỳ thi lên lớp do VDH Huế quy định theo đề nghị của VHH. Trong 5 năm học, sinh viên được phép lưu ban một lần nhưng phải được bộ phê duyệt. *Thi mãn khóa* được tổ chức vào cuối năm học thứ 5, thể thức và nội dung thi sẽ theo quyết định của bộ chiếu theo đề nghị của VDH Huế và VHH. Sinh viên trúng tuyển kỳ thi mãn khóa sẽ được Bộ trưởng Bộ QGGD cấp “văn-bằng tốt-nghiep viện Hán-học”.

Về *bổ dụng*, “Những sinh-viên tốt-nghiep viện Hán-học có thể được bổ dụng lần lượt theo thứ-tự trong bảng danh-sách trúng-tuyển mãn khóa, tùy theo nhu-cầu công-vụ và khả-năng ngân-sách, vào các chức-vụ sau với chỉ-số [lương] 370: - Chuyên-viên tại các tòa đại-sứ và sứ-quán Việt-nam tại các nước thuộc Đông-nam-Á, - Chuyên-viên tại viện khảo-cổ, - Giáo-sư trung-học đệ-nhất cấp (ngành Hán-học)”.

Môn Hán văn trong trường Trung học⁽¹⁷⁾

Nhân nghị định tổ chức VHH nhắc đến ngành Hán học ở bậc Trung học, thiết tưởng cũng nên trình bày sơ bộ về chương trình Trung học và việc dạy Hán văn ở bậc Trung học thời đó.

Để thay thế cho chương trình giáo dục của Pháp dành cho người bản xứ, chính phủ Trần Trọng Kim ban hành dụ số 67 ngày 03/6/1945 do Hoàng đế Bảo Đại ký, quy định chương trình Trung học áp dụng trên toàn quốc từ niên khóa 1945-1946. Đây là chương trình Trung học đầu tiên tại Việt Nam sử dụng

chữ Quốc ngữ trong giảng học. Chương trình này do GS Hoàng Xuân Hãn, Bộ trưởng Bộ Giáo dục - Mỹ thuật chủ trì hội đồng soạn thảo, nên về sau gọi tắt là “Chương trình Hoàng Xuân Hãn”.⁽¹⁸⁾

Từ cuối thập niên 1940, trong vùng Pháp kiểm soát (gọi là vùng “Quốc gia”), người Pháp vẫn chưa có một chương trình nào khác, cộng thêm điều kiện chiến tranh nên các trường học chưa mở cửa. Đến mãi những năm 1948, 1949 thời Quốc gia Việt Nam, các trường phổ thông ở đây mới bắt đầu khai giảng. Từ năm 1955 trở đi, có nhiều lần sửa đổi Chương trình Trung học, tập trung vào các Đại hội Giáo dục Toàn quốc các năm 1958, 1964, tuy nhiên vẫn giữ lại rất nhiều dấu ấn của Chương trình Hoàng Xuân Hãn từ năm 1945. Nói cách khác, ở MNVN, “Chương trình Hoàng Xuân Hãn” đã được dùng làm nền tảng cho mọi cải cách chương trình Trung học qua các thế hệ lãnh đạo giáo dục Phan Huy Quát, Nguyễn Thành Giung, Vương Quang Nhường, Nguyễn Dương Đôn, Trần Hữu Thế, Nguyễn Quang Trinh, Nguyễn Lưu Viên, Trần Ngọc Ninh, Ngô Khắc Tỉnh, tức là trong suốt giai đoạn 1949-1975.⁽¹⁹⁾

Ở MNVN, chương trình Trung học chia thành Trung học Đệ nhất cấp và Trung học Đệ nhị cấp. Trung học Đệ nhất cấp, trước năm 1970 là từ lớp Đệ thất đến lớp Đệ tứ, từ năm 1970 gọi là lớp 6 đến lớp 9 (tương đương với Trung học cơ sở ở Việt Nam ngày nay, cũng gọi là lớp 6 đến lớp 9). Trung học Đệ nhị cấp là từ lớp Đệ tam đến Đệ nhất, tức lớp 10 đến lớp 12. Học hết lớp Đệ tứ (lớp 9) thì được dự thi bằng Trung học Đệ nhất cấp, hết lớp Đệ nhị (lớp 11) thì được thi bằng Tú tài I (Tú tài bán phần, từ năm 1973 trở đi bãi bỏ thi Tú tài I), hết lớp Đệ nhất (lớp 12) thì được thi bằng Tú tài II (Tú tài toàn phần).⁽²⁰⁾ Các trường đại học và cao đẳng tùy theo yêu cầu đầu vào cao hay thấp để quy định thí sinh dự tuyển (thi tuyển hoặc xét tuyển) phải có bằng cấp loại nào. Theo thống kê, trong 9 năm từ 1954 đến 1962, mỗi năm chỉ có từ 18~35% thí sinh dự thi đỗ Trung học Đệ nhất cấp, 15~37% đỗ Tú tài I, 25~64% đỗ Tú tài II.⁽²¹⁾ Những con số này cho thấy đây là những kỳ thi thực sự khó khăn đối với học sinh phổ thông trung học thời kỳ ấy.

Ngày 05/9/1949, Bộ trưởng Bộ QGGD Phan Huy Quát của chính phủ Quốc gia Việt Nam ký Nghị định số 9-NĐ/GD ban hành chương trình bậc Trung học, áp dụng kể từ năm học 1949-1950. Trong chương trình này, môn Hán văn được giảng dạy ở cả bậc Trung học Đệ nhất cấp và Đệ nhị cấp. Chương trình Đệ nhất cấp có 2 ban: Cổ điển và Sinh ngữ, môn Hán văn được dạy mỗi tuần 4 giờ đối với các lớp Ban Cổ điển, mỗi tuần 1 giờ đối với các lớp Ban Sinh ngữ. Từ năm 1953 thì Đệ nhất cấp không chia ban nữa, nhưng vẫn dạy môn Hán văn. Chương trình Trung học Đệ nhị cấp gồm 4 ban: Khoa học A, Khoa học B, Cổ điển, Sinh ngữ; môn Hán văn được bố trí phức tạp hơn: các lớp Đệ tam (10) và Đệ nhị (11) của Ban A và B học mỗi tuần 1 giờ (lớp Đệ nhất thì không phải học); cả 3 lớp của Ban Sinh ngữ đều học mỗi tuần 1 giờ; Ban Cổ điển thì học mỗi tuần 6 giờ Hán văn.⁽²²⁾ Từ năm 1957, Chương trình Trung học Đệ nhị cấp được vi chỉnh, gồm 4 ban: Khoa học A (Toán), Khoa học B (Thực nghiệm), Văn chương Sinh ngữ C, Văn chương Cổ ngữ D. Các môn học Hán văn tập trung vào Ban D, gồm có 2 ngành Cổ ngữ Hán văn (còn gọi Cổ ngữ Hán tự) và Cổ ngữ Latin tùy theo sự lựa chọn của học sinh.

Sau năm 1949, trải qua nhiều lần sửa đổi Chương trình Trung học, số lượng giờ giảng môn Hán văn có xu hướng giảm đi. Muộn nhất là đến năm 1972, môn Hán văn bị loại khỏi các trường Trung học Đệ nhất cấp; ở trường Trung học Đệ nhị cấp thì các lớp thuộc Ban A, B, C cũng không còn bố trí giờ Hán văn nữa. Ngay cả Ban Văn chương Cổ ngữ (D), lớp Cổ ngữ Hán văn cũng chỉ giảng còn mỗi tuần 5 giờ học chữ Hán cho lớp 10, 11, và 4 giờ cho lớp 12. Ở lớp 10 và 11 học các nội dung: giảng văn, văn học sử, ngữ vựng, văn phạm, bài tập (lớp 10 có thêm thư pháp); ở lớp 12 chỉ có giảng văn, văn học sử, và bài tập.⁽²³⁾

Nghị định tổ chức VHH ghi công việc mà sinh viên của viện tốt nghiệp có thể đảm đương là “Giáo-sư trung-học đệ-nhất cấp (ngành Hán-học)”, tức là phụ trách giảng dạy các môn Hán văn trong chương trình Trung học Đệ nhất cấp (lớp Đệ thất đến Đệ tứ, tức lớp 6-9). Việc giảng dạy môn Hán văn còn tùy thuộc vào số lượng học sinh lựa chọn học Ban Văn chương Cổ ngữ (D), vì ban này có 2 ngành là Cổ ngữ Hán văn và Cổ ngữ Latin.

Trên thực tế đào tạo từ năm 1949 trở đi, số lượng học sinh trung học chọn học môn Cổ ngữ Hán văn (thuộc Ban D) ngày một ít đi, và cũng tùy thuộc vào từng địa phương. Qua trao đổi riêng, bà Võ Hồng Phi, cựu sinh viên Khóa 2 của VHH cho biết, trong những năm đầu thời Đệ nhất Cộng hòa (1955-1963) vẫn còn dạy môn Hán văn ở một số ít trường trung học, mà chủ yếu là ở Huế, lý do là thiếu thầy có trình độ chữ Hán. Theo một sư huynh lớn tuổi của bà, thì lớp ông học chỉ bố trí 2 giờ Hán văn một tuần ở Trung học Đệ nhất cấp. Khi bà học lớp Đệ thất (lớp 6) ở trường nữ trung học lớn nhất Sài Gòn là Trường Gia Long, mà cũng không có Ban D. Đến thời Đệ nhị Cộng hòa (1967-1975) thì càng hiếm trường trung học dạy môn Hán văn. Năm 1965 khi bà tốt nghiệp VHH và đi dạy, thì đã không còn Ban D ở hai trường trung học lớn ở Huế là Trường Quốc học và Đồng Khánh; tuy vậy vẫn còn kỳ thi Tú tài Ban D cho môn Cổ ngữ Hán văn, có nghĩa là môn Hán văn vẫn còn học sinh trung học đăng ký thi; cũng có thể học sinh tự học hoặc có người nhà kèm riêng chứ không đến trường, nhưng vẫn đăng ký thi môn Hán văn ở kỳ thi Trung học Đệ nhất cấp, Tú tài I và Tú tài II. Còn ông Nguyễn Lý Tường, cựu sinh viên Khóa 1 thì cho biết, trong kỳ thi Tú tài II (hết lớp 12) năm 1962, thí sinh phải dịch một bài Hán văn ra Việt văn, là trích đoạn truyện “Nam Cung Trường Vọng” trong sách *Đông Chu liệt quốc*, năm đó đa số học sinh các lớp trung học không dịch nổi, mà chỉ có sinh viên VHH tham dự kỳ thi trên mới dịch được.

3. Hoạt động đào tạo

Cơ sở vật chất

Trụ sở VHH ban đầu được đặt tại tòa Di Luân Đường, từ năm học 1961-1962 thì chuyển vào Phủ Nội Vụ trong Đại Nội, đến năm 1964 lại chuyển tới lầu ông Viễn Đệ trên đường Phan Đình Phùng, gần Bến Ngự. Theo nhận xét của cựu sinh viên Khóa 2 Lý Văn Nghiên, “Viện Hán học chỉ “đóng đô” những nơi nào dư thừa và người ta chê không sử dụng đến” [2009: 235]. Còn theo cựu sinh viên Khóa 1 Nguyễn Lý Tường, sau hai khóa đầu tiên tuyển sinh chia thành 3 lớp, nhưng “tất cả đều học tại Di Luân Đường, không có phòng học riêng, phải ngăn cách bằng các tấm bảng viết bằng gỗ” [2000: 116]. Có nghĩa

là, dù nhiều lần thay đổi trụ sở, nhưng đó đều là những nơi không đủ không gian hoặc không phù hợp với việc giảng dạy và nghiên cứu của một đơn vị đại học, viện phải tận dụng cơ sở hạ tầng cũ vốn được thiết kế không phải với mục đích dùng làm giảng đường đại học.



Linh mục Cao Văn Luận, Viện trưởng Viện Đại học Huế, kiêm Giám đốc Viện Hán học, đang phát biểu trong lễ khai giảng Viện Hán học niên khóa 1961-1962, tại Văn phòng Quốc trưởng Bảo Đại, Đại Nội, Huế.

Cán bộ quản lý và giảng dạy

Ban giám đốc VHH giai đoạn đầu bao gồm: Linh mục Cao Văn Luận, Viện trưởng VDH Huế, kiêm nhiệm chức Giám đốc VHH; Lương Trọng Hối, Cử nhân Hán học khoa cử, Dân biểu Quốc hội, giữ chức Phó giám đốc;⁽²⁴⁾ Võ Như Nguyễn, cựu Tỉnh trưởng Bình Định, Dân biểu Quốc hội, làm Chủ sự hành chánh; Phan Văn Dật làm Giám học; một số nhà khoa bảng như Tiến sĩ Nguyễn Huy Nhu, Phó bảng Hà Ngại, Tú tài Phạm Lương Hàn, Tú tài Ngô Đình Nhuận, Nguyễn Duy Bật, Hồ Đắc Định; một số giáo sư đại học ở Huế như Nguyễn Hy Thích (tức Linh mục Nguyễn Văn Thích), Nguyễn Văn Dương. Trên thực tế, người thực sự điều hành viện là ông Võ Như Nguyễn. Đến tháng 8/1963, Linh mục Cao Văn Luận bị bãi chức Viện trưởng VDH Huế (kèm theo cả chức Giám đốc VHH), VDH Huế liên tục thay Viện trưởng, từ Trần Hữu Thế, qua Trương Văn Chôm, rồi Cao Văn Luận tái nhiệm ít ngày, đến tháng 9/1964 thì bổ nhiệm Bùi Tường Huân, cựu Bộ trưởng Bộ QGGD. Cuối năm 1963, ông Võ Như Nguyễn được cử làm Phó giám đốc VHH, nhưng rồi ngay sau đó ông lại chuyển công tác đi nơi khác, nên VHH không có người lãnh đạo, việc điều hành viện do Phạm Ngọc Hương đảm nhiệm. Hội đồng giáo sư của VHH nhiều lần đề nghị Bùi Tường Huân kiêm nhiệm chức Giám đốc VHH nhưng không được đồng ý, Bùi Tường Huân đề cử Nguyễn Văn Thích và tiếp đó là Đỗ Đình Thạch làm Giám đốc, nhưng không được Bộ QGGD chấp thuận. Đến mãi ngày 05/02/1965, bộ mới ra quyết định cử ông Trần Điền, cựu Tỉnh trưởng Quảng Trị, làm Xử lý thường vụ Giám đốc VHH.⁽²⁵⁾

Ban Giảng huấn giai đoạn đầu gồm có: dạy Hán văn có các nhà cựu khoa bảng Hà Ngại, Võ Như Nguyễn, Nguyễn Duy Bật, Hồ Đắc Định, Phạm Lương Hàn, Ngô Đình Nhuận, Châu Văn Liệu, Nguyễn Huy Nhu, và các giáo sư đại học ở Huế như Nguyễn Hy Thích, Nguyễn Văn Dương, Nguyễn Hồng Giao, Phan Chí Chương, La Hoài.⁽²⁶⁾ Dạy Quốc văn có các GS Nguyễn Văn Dương, Phan Văn Dật,

Phạm Ngọc Hương. Dạy Triết có các GS Đỗ Đình Thạch, Nguyễn Văn Dương, Nguyễn Văn Trọng. Dạy Sử có các GS Nguyễn Phương, Nguyễn Hữu Châu Phan, Nguyễn Duy Khắc, Nguyễn Duy Bột. Dạy Địa có các GS Lê Khắc Phò, Nguyễn Hữu Châu Phan. Dạy Anh văn có các GS Bửu Kế, Vĩnh Quyên, Paul Vogle, Cao Xuân Duẩn, Trương Xuân Trục. Dạy Pháp văn có các GS Cao Hữu Hoành, Nguyễn Văn Kháng, Nguyễn Doãn Thám, Phạm Kiêm Âu, Trần Điền.⁽²⁷⁾

Có thể thấy, giảng viên của viện là sự kết hợp của 2 nhóm, nhóm thứ nhất là các nhà khoa bảng “cựu học” còn sót lại, nhóm thứ hai là một số trí thức “tân học” về khoa học xã hội và nhân văn đương thời, tổng cộng khoảng 30 người, thể hiện một phong khí “ôn cố - tri tân”, vừa kế thừa nền tảng cựu học, lại vừa mở ra những cách tiếp cận mới qua tri thức tân học. Nhóm khoa bảng uyên thâm về Hán học, vừa tham gia giảng dạy cho sinh viên, lại vừa kiêm nhiệm việc phiên dịch tài liệu cổ và nghiên cứu Đông y, tức là 3 nhóm công việc được quy định trong nghị định tổ chức VHH (đã dẫn). Phần đông các nhà khoa bảng ấy là những thành viên cốt cán của Hội Việt Nam cổ học (thường gọi là Hội Cổ học Huế),⁽²⁸⁾ đó là Nguyễn Huy Nhu (Hội trưởng), Nguyễn Văn Thích, Võ Như Nguyễn, Hà Ngại (Phó Hội trưởng), Phạm Lương Hàn, La Hoài (Cố vấn), Lương Trọng Hối (Tỉnh hội trưởng Tỉnh hội Cổ học Quảng Nam). Tòa Di Luân Đường là trụ sở của cả VHH và Hội Cổ học. Mối quan hệ giữa VHH và Hội Cổ học cho thấy sự kết hợp chặt chẽ giữa một thiết chế nhà nước về Hán học với một hiệp hội văn hóa tự do về Hán học. Sự kết hợp như vậy là một mô hình chung của nền Hán học MNVN giai đoạn 1955-1975.

Tuyển sinh

Có lẽ chính vì đầu vào thì yêu cầu thấp, không nhất thiết phải có bằng Tú tài, còn đầu ra lại rất hứa hẹn, cho nên ngay từ năm đầu VHH đã thu hút được rất nhiều thí sinh đăng ký dự thi, nên “tỷ lệ chọi” rất cao.⁽²⁹⁾ Năm học 1959-1960 tuyển khóa đầu tiên, Nguyễn Lý Tường và Lý Văn Nghiên đều cho rằng năm ấy lấy 30 sinh viên, nhưng căn cứ theo một nghị định cấp học bổng cho sinh viên Khóa 1,⁽³⁰⁾ thì khóa đầu đã lấy đủ 40 sinh viên.⁽³¹⁾ Nghị định này ghi danh sách 20 sinh viên được cấp học bổng toàn phần 450 đồng một tháng,



Lễ khai giảng niên khóa 1960-1961 tại Di Luân Đường, bên trái là biển hiệu “Viện Hán học”, bên phải là biển hiệu “越南古學會館” (Việt Nam cổ học hội quán).

“tương-đương với học-bổng bậc cao-đẳng”, và 20 sinh viên được cấp học bổng bán phần.⁽³²⁾ Ông Ngô Văn Lại, cựu sinh viên Khóa 1, qua trao đổi riêng cho biết, trong số sinh viên khóa đầu tiên, có 1 người không theo học, 1 người chỉ học vài tuần rồi bỏ, 6 người chưa học hết năm đầu tiên, 2 người học hết năm thứ nhất rồi bỏ, 11 người học hết năm thứ 3 rồi bỏ, tổng số người bỏ học giữa chừng là 21 người.⁽³³⁾ Nguyễn Lý Tường, qua trao đổi riêng, còn cho biết, đa số những người trúng tuyển là người đã học hết lớp Đệ nhị (lớp 11) và thi rớt Tú tài I, hoặc là người có bằng Trung học Đệ nhất cấp (hết lớp 9) nhưng giỏi Hán văn, nhờ cộng thêm điểm Hán văn mới trúng tuyển.

Năm học 1960-1961, mở 2 lớp, tuyển 60 sinh viên, với 2 hội đồng thi tuyển đặt tại Huế (dành cho thí sinh miền Trung) và Sài Gòn (dành cho thí sinh miền Nam). Năm thứ ba, niên khóa 1961-1962, tuyển 80 sinh viên, cũng chia làm 2 lớp.⁽³⁴⁾ Tới năm 1962, với tổng số 3 khóa khoảng 140 sinh viên còn theo học,⁽³⁵⁾ VHH trở thành một phân khoa lớn trực thuộc VDH Huế. Năm học 1964-1965, viện đổi quy chế, yêu cầu đầu vào có bằng Tú tài, tức là đặt ra yêu cầu cao hơn đối với thí sinh đầu vào. Cho đến cuối năm 1963, VHH có 159 sinh viên theo học.⁽³⁶⁾ Đến tháng 4/1964, trong một công văn cấp học bổng cho sinh viên chỉ còn ghi danh sách tổng số 149 sinh viên của 5 khóa, trong đó từ Khóa 1 đến Khóa 5 có số sinh viên tính ra lần lượt là: 20, 52, 34, 28, 15.⁽³⁷⁾ Lịch sử những con số này chứng tỏ tỷ lệ sinh viên chuyển sang trường khác cũng ngày một nhiều, số lượng tuyển sinh của các khóa cuối ngày càng ít đi. VHH không còn hấp dẫn như mấy năm đầu.

Học và thi

Về nội dung học, trên thực tế thì số môn học cũng như thời lượng giảng dạy mỗi môn có thể thay đổi tùy theo từng khóa. Viện không dạy các môn khoa học tự nhiên, mà tập trung vào Hán văn, triết Đông, triết Tây, văn sử Trung Quốc, văn sử địa Việt Nam, lịch sử Nhật Bản, lịch sử phương Tây, Trung văn, Anh văn, Pháp văn. Các môn Hán văn chiếm một nửa thời lượng học, gồm có Hán văn giảng luận (Tứ thư, Ngũ kinh), Hán văn giáo khoa (trích giảng danh tác Hán văn Trung Quốc và Việt Nam). Một người tâm huyết với Hán học đương thời là Hoàng Bồng cho biết, chương trình học của VHH là 5 năm, mỗi tuần học 11-12 giờ Hán văn, 3-4 giờ Việt văn, 6 giờ sinh ngữ, 2 giờ sử địa.⁽³⁸⁾ Qua trao đổi riêng, bà Võ Hồng Phi cho biết, đến năm thứ 5, sinh viên Khóa 1 còn học về phương pháp sư phạm, tâm sinh lý trẻ, và thực tập giảng dạy các môn Việt văn ở hai trường Trung học Đồng Khánh và Quốc học Huế; đến Khóa 2 thì không học những môn ấy nữa. Điều này cho thấy chương trình học có xu hướng mở rộng lĩnh vực nghề nghiệp, tạo điều kiện cho sinh viên tốt nghiệp có thể giảng dạy các môn Việt văn ở bậc Trung học, trong điều kiện ngày càng ít trường có môn Hán văn.

Trong quá trình học, theo cảm nhận của Lý Văn Nghiên [2009], sinh viên Khóa 2, nguyên Chủ tịch Ban đại diện sinh viên VHH, thì sinh viên của viện phần lớn bị mặc cảm khi tiếp xúc với sinh viên các phân khoa khác trong VDH Huế; mà trong con mắt của sinh viên các phân khoa khác, nhất là sau sự kiện chính quyền đàn áp Phật giáo tại Đài Phát thanh Huế năm 1963, và phong trào phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp Phật giáo đã nổ ra ở Huế,

thì sinh viên VHH bị ngộ nhận “là con đẻ của Ngô Tổng thống và quyền lợi của sinh viên VHH gắn liền với sự tồn vong của gia đình họ Ngô”. Do vậy, sinh viên VHH đã chịu ít nhiều sự nghi kỵ từ học đường và xã hội.

Về việc thi tốt nghiệp cho sinh viên Khóa 1, Nghị định 501-GD/HV/NĐ ngày 06/3/1964 của Bộ QGGD có 12 điều, quy định rõ cách thức tổ chức kỳ thi tốt nghiệp Hán học: lịch thi (vào 3 ngày, từ 8-10 tháng 6 năm 1964), hình thức thi (viết và vấn đáp), tổ chức kỳ thi, thành lập hội đồng giám khảo, quy trình chấm thi, điều kiện tốt nghiệp, xử lý kỷ luật thi cử. Tám môn thi viết là Hán văn (3 giờ - hệ số 3), Quốc văn (2-2), Sinh ngữ (Anh hoặc Pháp, 2-2), Văn hóa Việt Nam (1-1), Triết lý Đông phương (1-1), Sử Trung Quốc và Đông Nam Á (1-1), Sử địa Việt Nam (1-1); 4 môn thi vấn đáp đều lấy hệ số 1, gồm: Hán văn, Quốc văn, Sinh ngữ (Anh hoặc Pháp), Bạch thoại và Quan thoại.⁽³⁹⁾

Hiệu quả đào tạo

Về hiệu quả đào tạo Hán văn, thật khó đánh giá nếu nhìn từ con mắt của người ngoài cuộc, vì vậy tôi xin để những người trong cuộc - các cựu sinh viên - tự nhận xét về mình. Tựu trung có 2 quan điểm khác nhau, một bên đánh giá tiêu cực, một bên đánh giá tích cực.

Cựu sinh viên Khóa 2, Lý Văn Nghiên, cho rằng, do đầu vào sinh viên chưa học phổ thông Trung học Đệ nhị cấp, nên “5 năm học thì hết 3 năm lo bồi dưỡng kiến thức phổ thông, còn 2 năm cuối cùng thì vội vàng và dồn dập”, vì vậy việc học kiến thức chuyên môn về cổ Hán ngữ (văn ngôn) cũng như sinh ngữ (bạch thoại) không thực sự được chuyên sâu, “làm sao ra trường có thể là những chuyên viên các Viện Khảo cổ, nghiên cứu, hay nhân viên các Tòa Đại sứ ở các nước Đông Nam Á” [2009: 235].

Quan điểm trên không nhận được sự đồng tình của đa số cựu sinh viên khác của VHH. Bà Võ Hồng Phi, qua trao đổi riêng, cho rằng trong 3 năm đầu, sinh viên VHH được học kiến thức Hán văn cao hơn và sâu hơn hẳn so với các môn Hán văn ở trường Trung học Đệ nhị cấp. Không kể các môn Tứ thư, Ngũ kinh, văn học cổ Trung Quốc và Việt Nam đều học trực tiếp bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm, thì ngay cả giờ học môn lịch sử Trung Quốc, GS Nguyễn Duy Bật cũng cho học bằng văn bản chữ Hán cổ. Tiếc là từ năm thứ 3 của Khóa 2, tức năm học 1963-1964, có nhiều hoạt động chính trị-xã hội làm ảnh hưởng tiêu cực tới việc học của sinh viên: tình hình bất ổn chính trị (xuất phát từ biến cố đàn áp Phật giáo năm 1963 ở Huế), sinh viên biểu tình, lân khóa, giáo sư từ nhiệm, nguy cơ giải tán VHH, sinh viên Khóa 1 đã tốt nghiệp phải đấu tranh để được bổ dụng... Ông Nguyễn Phong, Khóa 1, qua lời kể của bà Võ Hồng Phi, cũng khẳng định rằng “Chúng tôi học ngang trình độ Đại học Văn khoa về văn chương, lịch sử, triết học, chưa kể chữ Hán”. Một cựu sinh viên khác, ông Nguyễn Lý Tường, Khóa 1, cũng qua trao đổi riêng, đánh giá cao khả năng tiếp thu tri thức Hán văn của sinh viên VHH:

“Nói chung, một sinh viên sau khi theo học 5 năm tại VHH, tốt nghiệp với trình độ không thua gì một sinh viên tốt nghiệp cử nhân Đại học Văn khoa (đa số các sinh viên VHH đều có ghi tên theo học Đại học Văn khoa ban Việt Hán và họ đã tốt nghiệp Đại học Văn khoa sau khi tốt nghiệp VHH một cách dễ

dàng). Trình độ Hán văn của một sinh viên tốt nghiệp VHH hơn hẳn một sinh viên tốt nghiệp Đại học Sư phạm (Ban Việt Hán) hoặc một sinh viên tốt nghiệp Đại học Văn khoa (cử nhân Văn chương Việt Nam). Sinh viên VHH năm thứ 3, bỏ VHH thi qua Đại học Sư phạm đã trúng tuyển với vị thứ rất cao (đỗ đầu, đỗ thứ 2, 3, 4...) các ngành Việt Hán, Sử Địa... Những người có căn bản Hán văn xuất thân từ VHH, khi qua học Văn khoa hay Sư phạm đều xuất sắc hơn sinh viên có Tú tài rồi trúng tuyển vào Đại học Sư phạm hay Văn khoa. Tôi muốn nói một sinh viên học hết năm thứ 3 VHH giỏi hơn một sinh viên có Tú tài II (đặc biệt về sinh ngữ cũng như cổ ngữ Hán văn)".

Tốt nghiệp và tuyển dụng



Các GS và sinh viên Viện Hán học Huế trong lễ khai giảng niên khóa 1961-1962, tại Văn phòng Quốc trưởng Bảo Đại, Đại Nội, Huế. Hai tấm băng-rôn ghi nội dung “Tu tề trị bình 修齊治平” và “Lễ nghĩa liêm sỉ 禮義廉恥”, là những chủ trương của Nho giáo.

Khóa 1 (1959-1964) lấy đỗ 40 người, nhưng do một số người bỏ học hoặc chuyển sang học ngành khác, nên đến khi ra trường chỉ còn 19 người,⁽⁴⁰⁾ trong đó 3 người đứng đầu lần lượt là Vương Hữu Lễ, Dương Trọng Khương, Phan Thuận An.

Tuy nhiên, khi khóa đầu tiên ra trường năm 1964, thì đến tận tháng 11 vẫn hầu như không được bổ nhiệm (trừ thủ khoa Vương Hữu Lễ) như Bộ QGGD đã hứa hẹn trong nghị định tổ chức viện, trong khi đó sinh viên tốt nghiệp từ Đại

học Sư phạm cùng năm đều đã có nhiệm sở. Đến tận đầu tháng 4/1965 mới có thêm 5 người nữa được bổ nhiệm. Điều này gây hoang mang trong tâm lý các khóa sinh viên còn đang học, “sinh viên các lớp đến trường nhìn nhau với nét mặt lo lắng. Ai cũng trông ngóng, ai cũng thắc mắc, ai cũng thất vọng. Ngày nào gặp quý Thầy hay Ban giám đốc thì câu trả lời vẫn là “sắp...””.⁽⁴¹⁾ Đó là tình trạng của khóa đầu tiên tốt nghiệp. Nếu khóa tiếp theo sẽ có hơn 50 sinh viên tốt nghiệp nữa, thì vấn đề tuyển dụng sẽ còn khó khăn đến mức nào?

Chính việc khó khăn trong vấn đề tuyển dụng, tìm việc làm đã ảnh hưởng rất lớn đến số phận của VHH, như sẽ trình bày ở phần sau đây.

4. Giải tán

Biến cố Phật giáo 1963

Từ tháng 5/1963, phong trào Phật giáo đấu tranh với chính quyền, đòi bình đẳng tôn giáo đã nổ ra sau sự kiện ngay trước ngày lễ Phật đản, chính quyền có lệnh cấm treo cờ tôn giáo bên ngoài khuôn viên cơ sở tôn giáo. Phong trào bắt đầu từ Huế, lan ra khắp MNVN, cuốn theo nhiều tầng lớp trong xã

hội, từ giới tăng sĩ đến công chức, thanh niên, sinh viên tham gia biểu tình, rồi trở thành vấn đề quan tâm của thế giới.⁽⁴²⁾ Tháng 8/1963, Linh mục Cao Văn Luận bị chính quyền buộc thôi chức Viện trưởng VDH Huế, và tất nhiên là cả chức Giám đốc VHH, vì đã không có giải pháp cứng rắn để ngăn sinh viên VDH Huế biểu tình chống chính quyền.⁽⁴³⁾ Ngày 18/8/1963, Khoa trưởng các đại học nhánh thuộc VDH Huế và nhiều giáo sư cùng ra thông cáo đồng loạt xin từ chức để phản đối chính quyền đàn áp Phật giáo, cũng như phản đối “sự thay thế Linh-mục Cao-văn-Luận Viện-trưởng Huế trước tình-trạng trầm-trọng này”.⁽⁴⁴⁾ Ngày 17/8/1963, toàn bộ giảng viên của VHH cũng ra tuyên cáo tán đồng quan điểm của các vị Khoa trưởng, “bất bình về sự bãi chức Viện-trưởng viện đại-học Huế kiêm nhiệm Giám-đốc Viện hán-học của Linh-mục Cao-văn-Luận một cách đột ngột, làm mất phần thể-thống và uy-tín cho Đại-học Huế gây xúc động cho giáo-giới và sinh-viên trong tình-thế không ổn hiện tại. *Toàn-thể chúng tôi tuyên-bố tự ý nghỉ việc giảng dạy kể từ hôm nay*”.⁽⁴⁵⁾ Phong trào đấu tranh Phật giáo lên đến cao trào bằng việc các nhóm sĩ quan quân đội cao cấp, với sự hậu thuẫn ngầm bằng cách làm lơ của Mỹ, đã đảo chính lật đổ chính quyền của Tổng thống Ngô Đình Diệm ngày 01/11/1963, Ngô Đình Diệm bị giết chết một ngày sau đó, cùng với em ruột là Ngô Đình Nhu, cố vấn của Tổng thống. Nền Đệ nhất Cộng hòa kết thúc sau 9 năm (1955-1963) cầm quyền.⁽⁴⁶⁾

Viện Hán học trong biến cố chính trị - xã hội

VHH thành lập một phần lớn là nhờ chủ trương tôn sùng Nho giáo của Tổng thống Ngô Đình Diệm, cho nên sau khi nền Đệ nhất Cộng hòa (1955-1963) bị lật đổ ngày 01/11/1963, chính quyền chuyển sang bàn tay lãnh đạo của các tướng lĩnh quân đội trong thời kỳ Quân quản (1963-1967) với liên tục các cuộc đảo chính quân sự, thì VHH không được quan tâm nữa, nhất là khi các chính phủ mới đều biết viện là “con đẻ” của vị tổng thống vừa bị họ lật đổ.

Bị cuốn trôi theo sự thay đổi của thời cuộc chính trị, VDH Huế từ tháng 8/1963 đến tháng 9/1964, tức chỉ trong 13 tháng, đã có 4 lần thay Viện trưởng,⁽⁴⁷⁾ cơ quan quản lý giáo dục cấp trung ương cũng liên tục thay đổi nhân sự và phương thức quản lý, thay cả tên gọi từ “Bộ Quốc gia Giáo dục” thành “Bộ Văn hóa Giáo dục”. Những điều này gây ảnh hưởng lớn đến việc đào tạo tại VDH Huế nói chung, và VHH nói riêng. Khi Bùi Tường Huân thay thế chức Viện trưởng VDH Huế của Cao Văn Luận, từ tháng 9/1964, thì VHH bị đối xử bằng một thái độ lạnh nhạt. Mặc dù nhiều cán bộ của viện, như các ông Võ Như Nguyễn và Trần Điền, đã rất nỗ lực tìm lối thoát cho cả thầy và trò, nhưng không được sự hưởng ứng của cả bộ cũng như VDH Huế. Thầy và trò VHH phải đối mặt với muôn vàn khó khăn của thời đại để có thể duy trì một cơ quan đào tạo và nghiên cứu văn hóa truyền thống của dân tộc.

Ngày 01/10/1964, trong một buổi họp của VDH Huế do GS Bùi Tường Huân làm chủ tọa, GS Dương Đình Khôi (Đại học Văn khoa, thuộc VDH Huế) đã đề nghị bộ sáp nhập VHH vào Đại học Văn khoa vì 2 lý do: một là VHH khi ấy không có Giám đốc, hai là giảng dạy giống như ở Đại học Văn khoa. Hai ngày sau, 03/10/1964, VHH có điện văn gửi bộ phản đối ý định sáp nhập, “vì tôn chỉ, phương pháp và chương trình của VHH hoàn toàn khác biệt với Đại học Văn khoa”.⁽⁴⁸⁾ Kết quả là việc sáp nhập đã không xảy ra.

Tháng 02/1965, GS Trần Điền vừa nhậm chức Xử lý thường vụ Giám đốc Viện (tức quyền Giám đốc), ông đã nhận thấy cần cấp tốc giải quyết hai vấn đề là “bổ dụng sinh viên tốt nghiệp” và “quy chế đào tạo” thì mới có thể duy trì VHH. Một buổi họp Hội đồng giáo sư đã được tổ chức cấp tốc, đề nghị lên bộ một quy chế đào tạo mới, với tổng thời gian học 7 năm, chia làm 3 cấp: 1) Tú tài Hán học (3 năm), nhằm đào tạo sinh viên có bằng Tú tài cổ ngữ Hán văn trong khi chờ đợi Ban Cổ ngữ được mở trong các trường trung học; 2) Cao đẳng Hán học (2 năm) nhằm đào tạo giáo sư Hán văn Trung học Đệ nhất cấp hoặc chuyên viên sứ quán Đông Nam Á; 3) Đại học Hán học (2 năm) nhằm đào tạo giáo sư Việt Hán Trung học Đệ nhị cấp, hoặc chuyên viên các sứ quán, nhà nghiên cứu; 4) Ngành nghiên cứu của viện sẽ được thiết lập sau khi có sinh viên tốt nghiệp Đại học Hán học. Về vấn đề bổ dụng sinh viên tốt nghiệp, tháng 3/1965, Hội đồng cũng gửi các tờ trình lên VDH Huế trình bày tâm nguyện bảo tồn giá trị truyền thống dân tộc của phụ huynh và học sinh, đồng thời nêu các giải pháp cho vấn đề bổ dụng.⁽⁴⁹⁾ Dù cho các giải pháp như trên của Hội đồng giáo sư không được thực hiện trong thực tế lịch sử, nhưng nó cũng cho thấy những nỗ lực nghiêm túc của các nhà quản lý giáo dục cũng như các nhà giáo Hán học.

Trong khi Hội đồng giáo sư đang tích cực đấu tranh nhằm giữ lại VHH, thì các sinh viên lại ngã theo khuynh hướng thỏa hiệp để giải quyết vấn đề quyền lợi trước mắt của họ. Hội nghị sinh viên của viện đã tự bầu ra một phái đoàn gồm 7 người, dẫn đầu là Lý Văn Nghiên, từ Huế đi Sài Gòn 2 chuyến, tới Văn phòng Bộ để đề nghị giải quyết vấn đề tuyển dụng cho các sinh viên đã ra trường cũng như vấn đề quyền lợi của sinh viên đang học. Cuối cùng nhóm sinh viên nhận được văn bản của bộ đề ra hướng giải quyết: các sinh viên đã tốt nghiệp hoặc sắp tốt nghiệp sẽ được tuyển dụng làm giáo sư Trung học Đệ nhất cấp, còn các sinh viên đang học sẽ chuyển sang Đại học Sư phạm Huế và Quy Nhơn, viện sẽ bị giải tán.⁽⁵⁰⁾

Đến ngày 16/4/1965, viện nhận được công điện của bộ về việc giải tán viện theo tinh thần của văn bản mà bộ đã thông báo cho sinh viên. Hội đồng giáo sư của viện đã họp và gửi điện văn kiến nghị tới Tổng trưởng Văn hóa Giáo dục, đề nghị xem xét lại việc giải tán viện:

“Hội đồng giáo sư Viện Hán học sau khi nghe, đọc công điện của bộ quyết định giải tán các lớp, trân trọng tỏ lòng buồn nản trước một giải pháp đột ngột như thế. Các nghị định thành lập và tổ chức Viện Hán học chưa được bãi bỏ, nay quý bộ đã căn cứ trên yêu sách của sinh viên mà giải quyết là đặt nhẹ vấn đề kỷ cương. Vì căn bản dân tộc của nền Văn hóa Quốc gia, thành khẩn yêu cầu quý bộ xét lại vấn đề sau khi tham khảo ý kiến của các cơ quan hữu trách đúng theo tinh thần Đại học và dân chủ. Tinh thần công điện đã mặc nhiên chấm dứt nhiệm vụ, các giảng viên sau khi được cáo tri đã xin đình chỉ giảng dạy bắt đầu từ hôm nay. Toàn thể giáo viên tỏ lòng tin tưởng nơi tinh thần cách mạng của ông Tổng trưởng”.⁽⁵¹⁾

Ngoài ra còn có kiến nghị của các phụ huynh, nhân sĩ, các nhà khoa bảng cựu học gửi lên Quốc trưởng, Thủ tướng, Hội đồng Lập pháp, Hội đồng Quốc gia Giáo dục, Tổng trưởng Văn hóa Giáo dục để phản đối quyết định trên. Ví dụ, hai bản điện văn của phụ huynh sinh viên và của các vị khoa bảng lần lượt viết:

“Chúng tôi phụ huynh sinh viên kinh ngạc về quyết định giải tán các lớp Viện Hán học Huế dựa trên quyết định nông nổi và thiếu tư cách pháp lý của sinh viên, thành khẩn yêu cầu Quốc trưởng và Chủ tịch dùng mọi biện pháp thích nghi cứu vãn cơ quan văn hóa cổ truyền duy nhất. Rất đau đớn thấy con em chúng tôi bơ vơ sau bao năm giao phó cho Viện Hán học”.

“Chúng tôi [các nhà] khoa bảng Cố đô được tin các lớp Viện Hán học phân tán: 1/ Thực dân Pháp đã bỏ Hán học để đào tạo một lớp trí thức vong bản. 2/ Sự liên hệ bất khả phân giữa Hán tự và Quốc văn. 3/ Phần đông các nước Âu, Mỹ nay đã lấy Hán tự làm sinh ngữ ở các lớp trung học. 4/ Vị trí địa dư chính trị Việt Nam bắt buộc chúng ta phải biết Hán tự. 5/ Cần đề cao luân lý Hán học để áp đảo thuyết tam vô ngoại lai. Thỉnh cầu Thủ tướng và Tổng trưởng xét lại vấn đề Viện Hán học, chỉ thị các cấp thi hành nghiêm chỉnh Chương trình Trung học 1958, giao các giờ Hán văn cho các sinh viên tốt nghiệp đảm nhiệm. Rất tin tưởng vào tinh thần cách mạng của Thủ tướng và Tổng trưởng thuộc dòng thế phiệt Nho gia”.⁽⁵²⁾

Dư luận báo chí

Khi dự định giải tán VHH của bộ được nhiều người biết đến, tức là khoảng nửa cuối tháng 4/1965, thì nhiều người đã thông qua phương tiện báo chí để thể hiện quan điểm phản đối dự định ấy, ủng hộ việc duy trì một thiết chế nghiên cứu Hán học cổ điển tại MNVN. Trên một tờ nhật báo rất thu hút độc giả thời đó, tờ *Chính luận* ở Sài Gòn, đã đăng một loạt 4 bài viết nằm trong mục “Ý kiến”. Các tác giả bàn tới Hán học từ rất nhiều góc độ: khái niệm Hán học, lịch sử Hán học tại Việt Nam, vai trò của Hán học đối với văn hóa truyền thống Việt Nam, phân tích những quan điểm sai lầm của Bộ Văn hóa Giáo dục khi quyết định giải tán VHH, và đề xuất một số giải pháp để giải quyết vấn đề khó khăn trong việc duy trì VHH. Tác giả các bài viết nhiều lần mô tả Nhật Bản như một mẫu hình đáng học hỏi về việc duy trì nền Hán học, để phục vụ phát triển quốc gia.

Mở đầu là bài viết của Hoàng Bông, khen ngợi việc chính quyền Ngô Đình Diệm thành lập VHH là đã “hiểu được nhu cầu của Hán học đối với văn hóa nước nhà” (dù đó là thời điểm người ta vẫn còn tập trung phê phán chế độ Ngô Đình Diệm, sau ngày đảo chính 01/11/1963). Tác giả chỉ ra nguy cơ đứt gãy văn hóa truyền thống và hỗn loạn ngôn ngữ trong quá trình chuyển đổi đột ngột từ Hán học sang Âu học tại Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX. Khi chỉ trích cách nhìn nhận sai lầm của bộ về việc đào tạo Hán học tại VHH, tác giả cho rằng nếu việc đào tạo chưa đạt hiệu quả như mong muốn thì cần phải cải cách chương trình đào tạo, chứ không phải giải tán đơn vị đào tạo. Từ đó tác giả nhấn mạnh: “trong khi ngôn-ngữ, văn-từ Việt-Nam đương bị ‘ác hóa’ [trở nên tồi tệ, xấu đi - NTC] vì dốt chữ Hán, kho tàng tác phẩm văn hóa của tổ-tiên để lại không có người đọc, Việt-Nam cần có môn học cổ-diễn bên cạnh các môn học chuyên môn”.⁽⁵³⁾

Hưởng ứng bài viết của Hoàng Bông là một bài viết khác của Đặng Bình, đại diện cho “các nhà khoa bảng đất cố đô và phụ huynh sinh viên Viện Hán học”. Tác giả cho rằng “Hán học là một nền văn minh Á Đông mà ông bà chúng

ta đã dựa vào để xây dựng nền quốc gia Việt Nam di truyền lại cho chúng ta”, “ông bà ta trước kia dùng chữ Hán, coi chữ Hán là một thứ chữ của nước mình”, nhưng do thời đó ít người hiểu về chữ Hán nên dùng từ ngữ thường sai lệch, tạo ra những “quái vật” ngôn ngữ, mà môn Hán học là để “bóp chết những quái vật” đó. Tác giả Đặng Bình phản đối 2 lý do giải tán VHH mà bộ đưa ra. Về lý do thứ nhất, “sinh viên Hán học không học được mấy chữ Hán”, Đặng Bình biện luận rằng đây là một lý do “kỳ cục”, bởi trong 5 năm học, mỗi tuần học 11 giờ, tổng cộng hơn 1.500 giờ học Hán văn, lẽ nào không biết được độ 3.000 chữ Hán? Về lý do thứ hai, “sinh viên Hán học không muốn tiếp tục học”, nếu vậy thì phải tìm nguyên do để sửa chữa, chứ không thể vin cớ đó để dẹp bỏ VHH, “binh sĩ chán nản, có dẹp quân đội đi không”? Từ đó, tác giả thể hiện quan điểm phê phán rất mạnh mẽ: “Nói trắng ra, nguyên do tự bộ mà ra: vì bộ không chịu bỏ dụng sinh viên tốt nghiệp, vì bộ mở lớp mới gần 1 năm mà không chịu ban hành quy chế cho họ nên họ mới không chịu học nữa. Thử hỏi nếu bộ đối xử như vậy với một ngành học nào khác, có phải là phá ngành ấy hay không”? Trên cơ sở phê phán như vậy, tác giả đặt ra 3 câu hỏi đối với Bộ Văn hóa Giáo dục về nguyên nhân thực sự mà bộ quyết định giải tán VHH: 1) Có phải do bộ muốn đem văn minh Âu Mỹ để thay thế cho “thứ văn hiến cũ rích trải mấy ngàn năm”? 2) Hay là bởi VHH do ông Diệm lập ra, mà các chính khách hiện thời thù ghét ông Diệm, quyết trừ bỏ những gì liên quan đến chế độ của ông Diệm? 3) Hay vì bộ không bỏ dụng được các sinh viên tốt nghiệp năm trước? Nếu đúng vậy thì cần giao các giờ Hán văn ở chương trình Trung học đương thời cho các sinh viên Hán học, chứ không phải giao cho các giáo viên Việt văn phụ trách như thường lệ. Cuối bài, tác giả đề nghị bộ “trả lời những thắc mắc trên cho chúng tôi được thông cảm, và cũng để đánh tan bầu không khí nặng nề đang bao trùm sĩ giới xứ Huế và không khí ấy đang tác dụng tai hại trên tâm lý của con em chúng tôi”.⁽⁵⁴⁾

Chưa hết, một tuần sau đó, tờ *Chính luận* lại đăng một bài rất dài của tác giả Việt Dân, hiệu là Chi Li Tử, đề ngày viết 04/5/1965. Bài viết khẳng định giá trị của chữ Hán đối với Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Việt Nam trong quá khứ cũng như trong hiện tại. Tác giả cho rằng Nhật Bản là một nước tiên tiến hàng đầu của châu Á cũng như toàn thế giới, “mà từ xưa đến nay, Nhật Bản vẫn dùng Hán tự: từ ngữ của họ đều tràn ngập bởi Hán tự Nhật hóa cũng như từ ngữ Việt Nam chúng ta đều tràn ngập bởi Hán tự Việt hóa”. Trong lịch sử, Hán học đã giúp đào luyện nên các nhà cách mạng chống Pháp thời cận hiện đại ở Việt Nam. Chế độ Ngô Đình Diệm dù “độc tài và thối nát” nhưng có cái đáng quý là có ý cổ vũ Hán học, nhưng các võ tướng nắm quyền khi ấy đều xuất thân từ gươm súng, nên không quan tâm tới Hán học. Ông chỉ trích chính phủ của Trung tướng Nguyễn Khánh năm 1964 đòi bỏ ngày quốc lễ Thánh đản [lễ kỷ niệm sinh nhật Khổng Tử, ngày 28/9] trong khi các ngày lễ khác đều giữ lại. Kết luận lại, Việt Dân cho rằng kể từ thời thực dân Pháp, người Việt đã “ăn phải cái cặn bã văn hóa nô dịch của thực dân nên chúng ta đã khinh bỉ và ruồng bỏ một khí cụ văn hóa lịch sử: Hán tự. Chúng ta đã thành những Đứa Con Vong Bản”. Từ đó tác giả đưa ra một đề nghị quan trọng: chính phủ Phan Huy Quát không những không nên bỏ VHH, mà còn phải lập thêm Hàn lâm viện Hán học.⁽⁵⁵⁾

Bài thứ 4 quay lại với tác giả Hoàng Bồng, người khởi xướng cuộc trao đổi trên báo *Chính luận*. Ông quan niệm Hán học có hai nghĩa, nghĩa rộng là “tất cả cái học từ Tàu truyền sang bằng Hán văn, như Phật học, Nho học, Lão học, binh học, y học, số học, bách gia chư tử học”, nghĩa hẹp thì “gần đồng nghĩa với Nho học”, là nghĩa được dùng trong từ “Viện Hán học”, tức là nơi dạy Hán tự, Hán văn, và Nho học, từ cái căn bản Nho học ấy có thể mở rộng tìm hiểu. Hán học Việt Nam có lịch sử lâu đời đã góp phần vun bồi nên nhiều giá trị tinh thần của dân tộc, đào tạo được nhiều thế hệ nhân sĩ trí thức Việt Nam. Nhưng sau khi thế hệ Hán học cuối cùng như Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu, Nguyễn Thượng Hiền đã mất, thì phong hóa xuống dần, xã hội dễ phát sinh hiện tượng “*Ma cô, con đĩ đầy sông Nhị / Mật thám, du côn đầy núi Nùng*”. Ông cho rằng trong giai đoạn lịch sử giữa thế kỷ 20 khi ấy, vấn đề Hán học tuy “không cấp bách lắm, nhưng nó có một tính cách tối quan trọng đối với tương lai dân tộc Việt Nam”, Hán học khi ấy dù là vấn đề lớn lao nhưng không hấp dẫn, thường phải nhận sự “thờ ơ” của người dân, các cơ quan chính quyền thì thậm chí là “không thích” hoặc “không hiểu lợi ích” của Hán học, cho nên ngày càng ít học sinh trung học chọn học ban D (học Hán văn). Mấy năm gần đây báo chí và dư luận nhắc nhiều đến “phục hưng văn hóa cổ truyền”, “phải trở về với hồn dân tộc”, nhưng chỉ là nói suông chứ ít ai làm, mà cũng không biết làm thế nào. Điển tích “Tịch Đàm vong tổ”,⁽⁵⁶⁾ quên lịch sử dân tộc mình, được Hoàng Bồng nhắc lại để kêu gọi mọi người cần phải hiểu lịch sử của dân tộc mình. Cuối bài, ông ca ngợi cường quốc Nhật Bản đã đề cao Hán học, thậm chí người Nhật còn in lại bộ sách *Đại Nam thực lục*⁽⁵⁷⁾ của Việt Nam rồi đem gửi tặng chính phủ Việt Nam, trong khi bộ sách đó hiện tại chính phủ Việt Nam chỉ còn dăm bảy bộ in bản gỗ xấu xí, để trong các thư viện, ít người đọc đến. Từ đó ông kêu gọi phải học tập người Nhật, giữ lấy tinh thần Hán học, duy trì nền tảng đức dục.⁽⁵⁸⁾

Sau một tháng đăng 4 bài viết kêu gọi bảo vệ sự tồn tại của VHH, tờ *Chính luận* ngày 13-14/6/1965 cho biết họ đã nhận được một bản *Thông cáo* ngắn của Bộ Văn hóa Giáo dục,⁽⁵⁹⁾ được đăng toàn văn trên trang 4 của số báo đó. *Thông cáo* cho biết quan điểm của bộ là: VHH không đạt được mục đích đào tạo chuyên viên Hán văn; chương trình giảng dạy không theo sát chủ trương đã định; công tác tổ chức của viện còn nhiều thiếu sót; gần đây lại có ý định hướng sinh viên vào phạm vi giáo dục nên trùng hợp với chương trình của Ban Việt Hán trong Đại học Sư phạm và Đại học Văn khoa; vì vậy sau khi tham khảo ý kiến của VDH Huế, bộ đã quyết định đình chỉ hoạt động của VHH và giải quyết tình trạng của sinh viên theo đúng với nguyện vọng của họ [tức là bổ nhiệm ngay những sinh viên đã tốt nghiệp, chuyển các sinh viên chưa tốt nghiệp sang học trường khác]. Ở đoạn cuối, *Thông cáo* nhấn mạnh việc bộ dự định thành lập một thiết chế Hán học mới để thay thế cho VHH cũ: “Quyết định này không phải là một hành động phản văn hóa dân tộc hay kỳ thị Khổng học, vì cùng một lúc, Bộ Văn hóa Giáo dục đã ủy cho Viện Đại học Huế nhiệm vụ nghiên cứu một dự án thành lập một cơ quan khác hợp lý và tốt đẹp hơn để thay thế cho Viện Hán học cũ”.⁽⁶⁰⁾ Dự định đổi mới thiết chế như vậy đã nhận được sự tán thành của tòa soạn báo *Chính luận*, vì vậy phần *Lời tòa soạn* đăng liền trước *Thông cáo* trên viết: “Chúng tôi cũng ghi nhận thiện lý của bộ muốn nghiên cứu dự án thành lập một cơ quan khác hợp lý và tốt đẹp hơn để thay

thế cho Viện Hán học cũ”. Thực tế sau này cho thấy, cho đến mãi năm 1975, không có thiết chế Hán học mới nào được lập ra để thay thế cho VHH như dự định của bộ.

Nghị định giải tán Viện Hán học

Tuy nhiên, mọi cố gắng của các giáo sư VHH cũng như các vị nhân sĩ tâm huyết với truyền thống Hán học đều không có kết quả trước một sự việc đã rồi. Sự kết thúc chính thức của VHH được đánh dấu bằng Nghị định số 1627-GD ngày 22/9/1965 do Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương - Thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ ký, quyết định về việc giải tán VHH Huế kể từ niên khóa 1965-1966, “theo đề-nghị của Tổng Ủy-viên Văn-hóa Xã-hội kiêm Ủy-viên Giáo-dục”, tức Trần Ngọc Ninh. Nghị định này viết:

“Điều thứ nhất. - Viện Hán-học thiết-lập do nghị-định số 389-GD ngày mồng 8 tháng mười năm 1959 thượng chiếu, nay được giải tán kể từ niên-học 1965-1966.

Điều thứ 2. - Tổng Ủy-viên Văn-hóa Xã-hội kiêm Ủy-viên Giáo-dục và phụ-tá tại Phủ Chủ-tịch Ủy-ban Hành-pháp Trung-ương, chiếu nhiệm-vụ, lãnh thi-hành nghị-định này”.⁽⁶¹⁾

Thông tin về việc giải tán VHH cũng được giới báo chí đưa tin. Báo *Tự do* (một tờ nhật báo khá phổ biến ở MNVN) số ra ngày 27/9/1965 đăng trên trang nhất một mẫu tin ngắn dưới dòng tít “Giải tán Viện Hán học”: “SAIGON. - Thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ, Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương đã ký

Bộ Văn hóa Giáo dục thông cáo :

TRƯỚC đây, Viện Hán học Huế được thành lập với mục đích đào tạo một số chuyên viên về Hán văn để nghiên cứu, dịch thuật và biên khảo về học thuật tư tưởng cổ Việt Nam và Trung Hoa hầu phát huy nền Văn hóa dân tộc.

Nhưng, trong thực tế, Viện Hán học đã không đạt được mục đích trên. Chương trình giảng dạy không theo sát chủ trương đã định, tổ chức thiếu khuyết điểm và Viện không có một Ban Giảng huấn thường xuyên.

Do đó, Viện Hán học chỉ có thể đào tạo được một lớp sinh viên biết Hán tự cùng một số kiến thức sơ đẳng, không đủ khả năng làm một nhà nghiên cứu. Căn đây, Viện lại có ý định hướng sinh viên vào phạm vi giáo dục. Công việc này trùng hợp với chương trình giảng dạy của Trường Đại học Sư phạm và Đại học Văn khoa, ban Việt-Hán. Vì thế, các sinh viên tốt nghiệp Viện Hán học đã gặp phải rất nhiều khó khăn trong việc xin tuyển dụng.

Nhận thấy không thể kéo dài một tình trạng có thể gây khó khăn và bế tắc cho con đường tiến thủ của các thanh niên thuộc nền văn hóa cổ truyền của dân tộc, nên sau khi tham khảo ý kiến Viện Đại học Huế, Bộ Văn hóa Giáo dục đã quyết định đình chỉ mọi hoạt động của Viện Hán học và giải quyết tình trạng của sinh viên theo đúng với nguyện vọng của họ.

Quyết định này không phải là một hành động phân văn hóa dân tộc hay kỳ thị Khổng học, vì cùng một lúc, Bộ Văn hóa Giáo dục đã ủy cho Viện Đại học Huế nhiệm vụ nghiên cứu một dự án thành lập một cơ quan khác hợp lý và tốt đẹp hơn để thay thế cho Viện Hán học cũ.

NGHỊ-ĐỊNH số 1627-GD ngày 22 tháng chín năm 1965 giải-tán viện Hán-học kể từ niên-khóa 1965-1966.

Chủ-tịch Ủy-ban Hành-pháp Trung-ương.

Chức Ước-pháp ngày 19 tháng sáu năm 1961 ;

Chức quyết-định số 1-QLVNCH/QB ngày 14 tháng sáu năm 1961 của Quốc-lưu Việt-nam Cộng-hoa thành-lập Ủy-ban Hành-pháp Quốc-gia ;

Cơ-sở điều-hành số 301.4/51/11824/NT, ngày 19 tháng sáu năm 1965 ấn-định thành-phần Ủy-ban Hành-pháp Trung-ương ;

Chức nghị-định số 389-GD ngày mồng 8 tháng mười năm 1959 thiết-lập viện Hán-học ;

Chức nghị-định số 1505-GD, NB ngày mồng 9 tháng chạp năm 1959 bổn-huân viện Hán-học ;

Đề-u đượ-c của Tổng Ủy-viên Văn-hóa Xã-hội kiêm Ủy-viên Giáo-dục,

NGHỊ-ĐỊNH :

Điều thứ nhất. — Viện Hán-học thiết-lập do nghị-định số 389-GD ngày mồng 8 tháng mười năm 1959 thượng chiếu, nay được giải-tán kể từ niên-học 1965-1966.

Điều thứ 2. — Tổng Ủy-viên Văn-hóa Xã-hội kiêm Ủy-viên Giáo-dục và phụ-tá tại Phủ Chủ-tịch Ủy-ban Hành-pháp Trung-ương, chiếu nhiệm-vụ, lãnh thi-hành nghị-định này.

Sài-gòn, ngày 22 tháng chín năm 1965

Thiếu-tướng NGUYỄN CAO KỶ

Thông cáo của Bộ Văn hóa Giáo dục (trái) và Nghị định số 1627-GD về việc giải tán VHH.

Nghị định số 1627-GD ngày 22-9-65 giải tán kể từ niên học 1965-1966 Viện Hán học thiết lập do Nghị định số 389-GD ngày 8 tháng 10 năm 1959”.⁽⁶²⁾ Việc được các nhật báo đưa tin, như tờ *Chính luận* đăng loạt bài phản đối việc giải tán VHH, hay tờ *Tự do* đưa tin việc chính thức giải tán VHH, chứng tỏ sự tồn vong của VHH nói riêng và của nền Hán học nói chung cũng là một chủ đề được dư luận xã hội quan tâm.

Vậy là, sau khi Ngô Đình Diệm bị lật đổ ngày 01/11/1963, VHH chỉ sống lay lắt được thêm 2 năm nữa thì bị giải tán vào năm 1965. Chỉ có 2 khóa tốt nghiệp là Khóa 1 (1959-1964) và Khóa 2 (1960-1965), đào tạo tổng cộng khoảng 70 người. Với số sinh viên chưa tốt nghiệp, trải qua 3 lần ban hành nghị định về học vụ từ giữa năm 1965 đến cuối năm 1967,⁽⁶³⁾ cuối cùng ông Ủy viên Giáo dục Nguyễn Văn Thơ đã ký Nghị định số 2143-GD/PC/NĐ⁽⁶⁴⁾ ngày 21/9/1967, trong đó quy định: “Sinh-viên viện Hán học Huế học hết năm thứ II hay năm thứ III (niên học 1964-1965) có tú tài I được phép nhập học miễn thi vào năm thứ I trường Sư-phạm Qui-nhơn về niên-học 1965-1966. Sinh-viên học hết năm IV và năm thứ V có tú-tài I hay không có tú-tài I được nhập học miễn [miễn] thi vào năm thứ II trường Sư-phạm Qui-nhơn về niên học 1965-1966”.

5. Thành tựu

VHH hoạt động ở 3 lĩnh vực: đào tạo Cử nhân Hán học, phiên dịch sử liệu Hán văn, và nghiên cứu Đông y. Thời gian tồn tại quá ngắn đã làm giảm đi rất nhiều thành tựu của viện ở cả 3 lĩnh vực hoạt động trên.

Đào tạo

Về đào tạo, mới chỉ có 2 khóa sinh viên tốt nghiệp, tổng số khoảng 70 người, số còn lại khoảng 70 người chuyển sang học các ngành khác. Phần lớn sinh viên tốt nghiệp theo nghề giảng dạy Hán văn hoặc Việt văn cho chương trình Trung học Đệ nhất cấp hoặc Đệ nhị cấp, như Võ Hồng Phi. Khóa 2 (1960-1965), cũng là khóa cuối cùng, có hai người được bổ nhiệm làm việc ở Viện Khảo cổ (Sài Gòn) là Tôn Nữ Thương Lăng và Đinh Thị Cẩm Hà. Nguyễn Lý Tường là Dân biểu Hạ nghị viện ở MNVN trước năm 1975, cũng là một nhà khảo cứu lịch sử và văn hóa. Một vài người, cùng với quá trình tự đào tạo, sau này trở thành nhà nghiên cứu chuyên nghiệp, như Vương Hữu Lễ (ngôn ngữ học), Phan Thuận An (sử học), Ngô Văn Lại (bút hiệu Thái Trọng Lai, văn học). Hội đồng môn cựu sinh viên VHH Huế vẫn giữ những mối liên lạc khăng khít và đầm ấm với nhau,



Lễ kỷ niệm
50 năm
Viện Hán học
(1959-2009)
tại Huế.

họ tổ chức các hoạt động gặp mặt kỷ niệm thường kỳ. Những hoạt động này chính là được kế thừa từ truyền thống gắn bó trong phong trào hoạt động sinh viên thời còn đi học,⁽⁶⁵⁾ được duy trì cho đến bây giờ, khi họ đã là những người bước sang tuổi “thất thập cổ lai hy”. Năm 1999, Hội đồng môn họp mặt tại TP Hồ Chí Minh để kỷ niệm 40 năm thành lập VHH. Năm 2009, họ tổ chức gặp mặt tại Huế, cùng in cuốn *Ký ức và hoài niệm: Đặc san kỷ niệm 50 năm thành lập Viện Hán học Huế 1959-2009*, gom góp một số bài viết về VHH để lưu hành nội bộ. Gần đây nhất là dịp gặp mặt tại Vũng Tàu ngày 19-20/12/2013.

Nghiên cứu, phiên dịch

Về lĩnh vực phiên dịch sử liệu Hán văn, Ủy ban Phiên dịch Sử liệu Việt Nam (thuộc VDH Huế), phụ trách việc phiên dịch sử liệu từ Hán sang Việt, nhân viên chủ yếu là cán bộ của VHH, do Nguyễn Huy Nhu làm Trưởng ban. Ủy ban đã phối hợp với một học giả nổi tiếng đương thời là GS Trần Kinh Hòa (陳荆和, Chen Ching-ho) để sưu tầm và phiên dịch một số sử liệu quan trọng. Hiện mới biết đến cuốn *An Nam chí lược* của Lê Tắc (1961),⁽⁶⁶⁾ *Hải ngoại kỷ sự* của Thích Đại Sán (1963), và công trình đáng kể nhất là bộ *Mục lục châu bản triều Nguyễn*, dù mới chỉ in được 2 tập đầu vào các năm 1960, 1962. Theo nghiên cứu của Nguyễn Văn Đăng, ngày 07/7/1959, VDH Huế xin tiếp nhận và bảo quản toàn bộ kho châu bản⁽⁶⁷⁾ và các văn kiện triều Nguyễn đang được lưu trữ trong tình trạng không chu đáo tại Viện Văn hóa Trung Kỳ. Từ đó, Ủy ban Phiên dịch Sử liệu Việt Nam được lập ra, GS Trần Kinh Hòa là Tổng thư ký, tập trung hoạt động đầu tiên là chỉnh lý và làm mục lục châu bản. Sau 2 tháng, Ủy ban đã kiểm kê được 611 tập châu bản thuộc 10 triều vua từ Gia Long (tại vị 1802-1819) đến Bảo Đại (tại vị 1926-1945). Từ tháng 9/1959, Ủy ban bắt đầu làm mục lục theo một mẫu phiếu thống nhất gồm các yếu tố: *triều đại, ngày, tháng, năm, tập, trang, loại, xuất xứ, trích yếu, đề tài, bị chú*, bằng tiếng Việt và chữ Hán. Sau khi 2 tập đầu được in vào các năm 1960 (triều Gia Long) và 1962 (triều Minh Mạng), từ tháng 6/1962, GS Trần Kinh Hòa chuyển sang công tác ở Hồng Kông, dù ông vẫn tiếp tục chỉ đạo việc làm phiếu, cho đến năm 1965, đối với các nội dung châu bản tiếp theo, nhưng việc xuất bản các tập mục lục thì bị dừng lại. Kinh phí hoạt động của Ủy ban chủ yếu do các tổ chức nước ngoài tài trợ, như để xuất bản bộ *Mục lục châu bản triều Nguyễn*, đã có sự giúp đỡ của Hội đồng Nghiên cứu Đông Á (Council for Eastern Asian Studies), Viện Harvard-Yenching, và Quỹ Châu Á (Asia Foundation).⁽⁶⁸⁾ Theo cựu sinh viên Khóa 1 Ngô Văn Lại, người ngay từ khi còn là sinh viên VHH đã được tham gia cùng các cụ lão Nho vào việc chỉnh lý và làm thư mục cho bộ châu bản triều Nguyễn, thì hiện nay nhiều tập châu bản đã bị thất lạc, các phiếu tư liệu của Ủy ban Phiên dịch Sử liệu Việt Nam hiện đang được lưu ở thư viện Trường Đại học Khoa học (thuộc Đại học Huế), từ năm 1985 bắt đầu được sao chụp để sử dụng. Đến năm 1998, nhờ nguồn tài trợ quốc tế, thư viện Trường Đại học Khoa học phối hợp với Cục Lưu trữ Nhà nước và Đại học Quốc gia Hà Nội đã biên tập và xuất bản tiếp tục.⁽⁶⁹⁾ Việc khởi thảo bộ *Mục lục châu bản triều Nguyễn* là một công việc đồ sộ, có giá trị tư liệu và khoa học của Ủy ban Phiên dịch Sử liệu Việt Nam, mà phần công việc chuyên môn thì chủ yếu do người của VHH đảm nhiệm. Di sản tư liệu đồ sộ mà họ để lại, vì chưa có điều kiện in ấn lúc ấy, hiện nay vẫn đang được rà soát và biên tập để xuất bản. Đó có thể coi là đóng góp đáng kể nhất về mặt nghiên cứu học thuật của VHH.

Về nghiên cứu Đông y thì hiện chưa tìm được tư liệu và thông tin gì. Có thể do điều kiện hạn chế về tư liệu, cho nên việc đánh giá các thành tựu về phiên dịch sử liệu và nghiên cứu Đông y ở đây chưa khái quát hết được các bình diện, nhưng dù sao cũng khó có thể đánh giá quá cao những đóng góp về học thuật của VHH từ hai bình diện này.

Nhìn chung, những thành tựu về chuyên môn nghiên cứu và đào tạo của VHH còn nhiều hạn chế, mà nguyên nhân căn bản dẫn đến hạn chế này là do thời gian tồn tại của VHH quá ngắn ngủi, chưa kịp định hình thiết chế đào tạo và nghiên cứu Hán học một cách chặt chẽ và quy mô như chủ trương từ ban đầu.



Mục lục châu bản triều Nguyễn, Tập thứ 1 (triều Gia Long), in năm 1960.

Một trang bản thảo viết tay trong khi làm mục lục châu bản triều Nguyễn.⁽⁷⁰⁾

6. Nhìn lại

Ở MNVN những năm 1955-1975, xét trong các thiết chế đào tạo Hán học (tương đương với “nghiên cứu Hán Nôm”, hoặc “Hán Nôm học” - thuật ngữ thông dụng ở MBVN từ nửa sau thế kỷ XX), thì VHH Huế là đơn vị chính quy, tập trung, và chuyên môn hóa cao hơn so với các Ban Hán văn tại các Đại học Văn khoa, cũng như các Ban Việt Hán tại các Đại học Sư phạm. Viện được khai sinh năm 1959 bởi một “văn quan” 58 tuổi có tư tưởng Nho giáo truyền thống, tức Tổng thống Ngô Đình Diệm (1901-1963), rồi bị khai tử năm 1965 bởi một “võ tướng” trẻ, khi ấy mới 35 tuổi, tức Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương Nguyễn Cao Kỳ (1930-2011). Số phận của VHH gắn liền với sự thăng trầm của quyền lực chính trị.

Viện được thành lập theo “mỹ ý” của Tổng thống Ngô Đình Diệm năm 1959, và khó có thể nói rằng đó là một quyết định sai lầm. Trong một xã hội đang chuyển đổi theo hướng Âu Mỹ hóa mạnh mẽ về nhiều mặt, thì việc thiết lập một đơn vị chuyên trách việc đào tạo và nghiên cứu văn hóa truyền thống là điều cần thiết, trước khi truyền thống ấy bị đứt gãy hoàn toàn với hiện tại do không còn có các nhân tố con người được đào tạo đến mức có đủ khả năng

kết nối. Viện được thành lập ở đất Thần Kinh (神京) - cố đô Huế - cũng là một lựa chọn đúng đắn nếu xét đến các khu vực trung tâm trong toàn bộ lãnh thổ MNVN khi ấy, bởi trong suốt gần 150 năm triều Nguyễn, Huế là nơi hội tụ nhiều nhà khoa bảng nổi tiếng, lưu giữ được nhiều di tích và tư liệu cổ, đến giữa thế kỷ XX vẫn còn nhiều nhà cựu học tâm huyết với việc trao truyền văn hóa kinh điển Hán học. Bộ Quốc gia Giáo dục tạo điều kiện bằng cách không yêu cầu thí sinh dự thi phải có bằng Tú tài (mà chỉ cần bằng Trung học Đệ nhất cấp), đồng thời cấp học bổng toàn phần và bán phần cho tất cả sinh viên - một sự biệt đãi chỉ dành cho sinh viên các trường Sư phạm và VHH.

Tuy nhiên, những lợi thế đó không thể bù lại những khó khăn sau đây.

1. Sự ưu ái của Tổng thống Ngô Đình Diệm đối với VHH là một sự ưu ái mang tính nhất thời, thiếu sự quan tâm sát sao về lâu về dài. Ngay khi còn đương nhiệm, Tổng thống đã không tạo điều kiện cho viện có được những ưu ái thiết thực từ góc độ cơ sở vật chất (trụ sở, giảng đường). Sang thời Quân quản (1963-1967), khó khăn sẽ nhiều thêm bởi phần đông nhóm sĩ quan quân đội quản lý quốc gia không mấy mặn mà với văn hóa truyền thống, lại càng không ưa một thiết chế học đường dường như “lỗi thời”, một thứ “của nợ” còn rơi rớt lại của chính quyền mà họ vừa lật đổ.

2. Sự nghi kỵ của xã hội về một ngành học “cũ kỹ” cũng tạo áp lực cho sinh viên, khiến một số sinh viên không tha thiết theo học mặc dù đã thi đỗ, cho nên trong thời gian học tại VHH, họ tranh thủ ôn thi lấy bằng Tú tài để có điều kiện thi chuyển sang trường khác. Tình hình đó diễn ra ngay trong năm học đầu tiên của khóa tuyển sinh đầu tiên.

3. Một số chính sách của Bộ Quốc gia Giáo dục (sau đó là Bộ Văn hóa Giáo dục) không phù hợp với việc đào tạo chuyên sâu về Hán học. Đầu tiên là việc duy trì đồng thời trong VDH Huế 3 đơn vị đào tạo Hán học, mặc dù lĩnh vực đào tạo cụ thể của 3 đơn vị này không hoàn toàn trùng nhau: một là VHH, hai là lớp Hán văn thuộc Đại học Văn khoa, ba là lớp Việt-Hán thuộc Đại học Sư phạm. Đó là chưa kể đến ban Hán văn có mặt trong tất cả các Đại học Văn khoa khác. Mô hình đào tạo như vậy khiến cho các sinh viên của VHH khi ra trường sẽ chịu “lép vế” so với hai đơn vị còn lại, dù chỉ là về danh nghĩa: họ thua thiệt so với lớp Việt-Hán của trường Sư phạm vì họ thiếu chuyên môn sư phạm, nên khó được bổ dụng làm giáo sư Trung học; họ cũng thua thiệt so với lớp Hán văn thuộc Đại học Văn khoa vì lớp Hán văn đó thuộc hệ Đại học thực thụ (chứ không phải nửa Đại học nửa Cao đẳng như VHH), sẽ là lựa chọn đầu tiên cho các nhà tuyển dụng cần tới Hán học.

Thí sinh nộp đơn hẳn là cảm thấy rất hứa hẹn vì một là “đầu vào” yêu cầu khá thấp, hai là được cấp học bổng, ba là “đầu ra” đầy hứa hẹn với những công việc có vị trí khá cao trong xã hội. Đầu vào còn thấp, bằng Trung học Đệ nhất cấp (học hết lớp 9), tương đương với đầu vào của bậc đào tạo Trung học chuyên nghiệp ngày nay. Điều 18 trong nghị định tổ chức viện cũng ghi rõ là “Sinh-viên viện Hán-học sẽ theo chế-độ áp-dụng cho sinh-viên các trường cao-đẳng chuyên-nghiep”, chứ không phải trường đại học. Đầu vào thấp như thế chắc hẳn cũng làm ảnh hưởng nhiều đến chất lượng sinh viên trong quá trình

học. Đầu ra dù rất hứa hẹn nhưng trên thực tế là không thiết thực, khiến cho ngay khóa đầu tiên tốt nghiệp đã gặp khó khăn về tuyển dụng. Bộ chỉ quan tâm đến đầu vào chứ không quan tâm đến đầu ra của sinh viên, không thực hiện đúng lời hứa về bổ nhiệm ghi trong nghị định tổ chức. Nghị định này cũng ghi nước đôi là “có thể được bổ-dụng”, chứ không phải “sẽ được bổ dụng”, nên Lý Văn Nghiên cho rằng “do vậy khi qua kiểm soát ước chi người ta không chịu, bởi lẽ các trường hợp này khi bộ có nhu cầu thì sẽ tuyển dụng còn không có nhu cầu thì không tuyển dụng, vì không bắt buộc và không dự trù trong ngân sách” [2009: 237].

Việc liên tục thay đổi bộ máy quản lý VDH Huế cũng như VHH cũng khiến cho công việc quản lý gặp nhiều khó khăn. Hội đồng quản trị và hoàn bị của viện cũng không thể hoàn thành một trong các nhiệm vụ của mình là “giúp đỡ sinh-viên tốt-nghiệp tìm công việc” như ghi trong nghị định tổ chức viện. Hội đồng giáo sư đã rất nỗ lực tìm lối thoát. Trong điều kiện xã hội MNVN những năm 1960, nếu giải quyết tốt vấn đề bổ nhiệm cho sinh viên tốt nghiệp, và triển khai được chương trình giảng dạy mới gồm 7 năm, kèm theo thiết lập ngành nghiên cứu tại VHH, như đề nghị tháng 3/1965 của Hội đồng giáo sư, thì chắc hẳn viện sẽ có những đóng góp đáng kể cho việc đào tạo và nghiên cứu Hán học tại MNVN. Nhưng lịch sử đã không tạo điều kiện cho việc thực thi đề án đổi mới này. Lời hứa của Bộ Văn hóa Giáo dục năm 1965 về việc “thành lập một cơ quan khác hợp lý và tốt đẹp hơn để thay thế cho Viện Hán học cũ” cũng chỉ là lời hứa suông nhằm xoa dịu phản ứng của giảng viên, sinh viên, phụ huynh và nhân sĩ Hán học đương thời.

4. Niềm hy vọng càng lớn thì nỗi thất vọng càng lớn. Cho nên khi ngay khóa đầu tiên đã gặp khó khăn về tuyển dụng, thì sinh viên bị hoang mang tâm lý, đi đến thỏa hiệp với Bộ Văn hóa Giáo dục rằng chỉ cần giải quyết vấn đề trước mắt, là việc tuyển dụng đối với sinh viên đã tốt nghiệp và việc học tập đối với sinh viên đang học. Họ chưa nhìn đủ xa để thấy được tầm quan trọng về lâu về dài của một ngành nghiên cứu cơ bản mà họ đang và sẽ gánh vác trách nhiệm. Cũng nên thông cảm với sinh viên của VHH về hành động đó, bởi trong giai đoạn 1963-1964, có quá nhiều bất ổn chính trị-xã hội ở MNVN đã tác động tiêu cực tới những người trẻ tuổi ấy. *“Rất tiếc chúng tôi mới chỉ là những đứa bé đang tượng hình trong bụng mẹ, chưa hoàn chỉnh thì chết yểu rồi”*, trích lời trao đổi riêng của bà Võ Hồng Phi, Khóa 2, một trong những sinh viên cuối cùng tốt nghiệp VHH.

Tóm lại, số phận ngắn ngủi của VHH đã cho thấy nó là một sản phẩm kết hợp không thành công giữa văn hóa truyền thống, học thuật, giáo dục, xã hội, và chính trị. VHH chưa được tạo điều kiện tốt về nhiều bình diện then chốt trong quá trình đào tạo Hán học: cơ chế quản lý giáo dục, chất lượng và tâm lý người học, giảng đường và cơ sở vật chất, và quan trọng hơn cả là vấn đề việc làm. Kinh nghiệm lịch sử này vẫn còn nguyên giá trị đối với việc duy trì ngành đào tạo Hán Nôm trong các trường đại học và cao đẳng ở Việt Nam hiện nay.

Harvard, 2013-2014

N T C

CHÚ THÍCH

- (1) Bài viết này trích từ một đề tài nghiên cứu về các thực hành văn hóa Nho giáo tại miền Nam Việt Nam (1955-1975). Trân trọng cảm ơn Viện Harvard-Yenching đã tài trợ học bổng nghiên cứu tại Đại học Harvard từ tháng 8/2013 đến tháng 5/2014. Cảm ơn GS, TS Hue-Tam Ho Tai và TS Nguyễn Nam (Đại học Harvard) đã chỉ dẫn về đường hướng nghiên cứu trong thời gian tôi làm việc tại Đại học Harvard. Cảm ơn bà Phan Thị Ngọc Chấn, thư viện viên Thư viện Harvard-Yenching, đã giúp đỡ và hướng dẫn sử dụng nguồn tài liệu phong phú trong hệ thống thư viện Đại học Harvard. Cảm ơn bà Võ Hồng Phi, cựu sinh viên Khóa 2 của Viện Hán học, đã cung cấp các bức ảnh chụp thầy trò VHH Huế và cho phép sử dụng. Cảm ơn ông Nguyễn Lý Tưởng (Khóa 1) và bà Võ Hồng Phi đã giúp liên hệ với các thầy và cựu sinh viên khác của VHH, đồng thời cung cấp nhiều thông tin hữu ích qua trao đổi riêng bằng email. Cảm ơn các vị cựu sinh viên VHH: ông Nguyễn Lý Tưởng, bà Võ Hồng Phi, ông Ngô Văn Lại, ông Phan Thuận An đã vui lòng đọc và góp ý cho bài viết này.
- (2) Có 2 cuốn sách kỷ niệm về Viện Đại học Huế: 1) Lê Thọ Giáo chủ biên, *Đại học Huế*, Hội Thân hữu Đại học Huế tại Hoa Kỳ tổ chức biên soạn kỷ niệm 32 năm thành lập Đại học Huế, San Jose, CA, 1990, 150 trang; 2) Lê Thanh Minh Châu và Lê Văn chủ trương biên tập, *Kỷ-niệm bốn mươi năm Viện Đại-học Huế (1957-1997)*, in trong tập san *Dòng Việt* số 4, Huntington Beach, CA, mùa Thu năm 1997, 286 trang. Cả hai tập sách kỷ niệm này đều được biên soạn gồm 2 phần: thứ nhất là phần kỷ niệm, in lại một số bài viết cũ của các lãnh đạo VDH Huế, có thêm một vài bài hồi ức của cựu sinh viên và/hoặc cựu giảng viên về lịch sử VDH Huế hoặc chân dung nhân vật; thứ hai là trích tuyển một số bài nghiên cứu khoa học tiêu biểu của các cựu Giáo sư VDH Huế. Đây không phải là những công trình nghiên cứu lịch sử của VDH Huế một cách có hệ thống. Trong 2 tài liệu này, VHH hầu như không được nhắc đến, trong những lần hiếm hoi được nhắc đến thì lại có sai sót, ví dụ, cho rằng Giám đốc đầu tiên của VHH là Linh mục Nguyễn Văn Thích [1997: 22b, 35]. Về quá trình tồn tại sau năm 1975 của VDH Huế, xem website của Đại học Huế hiện nay: <http://hueuni.edu.vn>.
- (3) Xem: *Kỷ ức và hoài niệm: Đặc san kỷ niệm 50 năm thành lập Viện Hán học Huế 1959-2009*, tài liệu lưu hành nội bộ, Huế, 2009.
- (4) Có nhiều thông tin hữu ích từ 2 bài hồi ức của các cựu sinh viên VHH: 1) Nguyễn Lý Tưởng (Khóa 1), “Viện Hán học Huế”, *Saigon Post* (California), số xuân 2000, tr. 112, 116, 117; 2) Lý Văn Nghiên (Khóa 2), “Những diễn biến liên quan đến việc giải thể Viện Hán học Huế”, *Kỷ ức và hoài niệm: Đặc san kỷ niệm 50 năm thành lập Viện Hán học Huế 1959-2009*, tài liệu lưu hành nội bộ, Huế, 2009, tr. 225-243. Cảm ơn ông Trần Văn Quyến (Đại học Phú Xuân, Huế) và ông Đặng Nguyên Phả (California) đã cung cấp 2 bài viết trên.
- (5) Nguồn toàn văn Nghị định 389-GD: *Công báo Việt Nam Cộng hòa* (CBVNCH), 24/10/1959, tr. 3.697; Cũng xem trong: *Quy-pháp vịnh-tập (quyển II, từ 31-1-1959 đến 31-12-1959)*, Sài Gòn: Tòa Tổng thư-ký ấn-hành, 1960, tr. 271-272.
- (6) Phạm Văn Khoái, “Bốn mươi năm ngành Hán Nôm, Khoa Văn học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội”, in trong: *Bốn mươi năm đào tạo và nghiên cứu Hán Nôm (1972-2012)*, Hà Nội, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013, tr. 5-18.
- (7) Xem website của Viện Nghiên cứu Hán Nôm: hannom.vass.gov.vn hoặc hannom.org.vn.
- (8) “Chúng tôi nhiệt liệt hoan nghênh Viện Hán học Huế”, *Minh tân*, số 66, xuân 1960, tr. 29.
- (9) Don Luce và John Sommer viết: “[Ngô Đình] Diệm là người Công giáo (ông từng suýt trở thành linh mục), và với tư cách Tổng thống, ông cai trị đất nước bằng cái mà nhiều người gọi là sự kết hợp giữa đạo đức Công giáo với chủ nghĩa gia trưởng quan lại Nho giáo”. Xem: *Viet Nam: The Unheard Voices*, Ithaca, Cornell University Press, 1969, p. 114: “Diem was a Catholic (he nearby became a priest), and as president he ruled the country with what many called a combination of Catholic morality and Confucian mandarin paternalism”.
- (10) “An ascetic Catholic steeped in Confucian tradition, a mixture of monk and mandarin [...]”, xem: Stanley Karnow, *Vietnam: A History*, New York, Penguin Books, 1985, p. 213.
- (11) Denis Warner, *The Last Confucian*, New York: Macmillan Company, 1964.

- (12) Edward Miller, *Misalliance: Ngo Dinh Diem, the United States, and the Fate of South Vietnam*, Cambridge, MA, Harvard University Press, 2013, p. 21.
- (13) Nguồn toàn văn Nghị định 1505-GD/NĐ: CBVNCH, 26/12/1959, tr. 4.157-4.160.
- (14) Gồm: Viện trưởng Viện Đại học Huế, Đại diện cơ quan giáo dục tại Trung nguyên và cao nguyên Trung phần, Thị trưởng thành phố Huế hoặc đại diện, Giám đốc hoặc Phó Giám đốc VHH.
- (15) Gồm: 2 đại diện giảng viên, 2 đại diện các nhân viên khảo cứu và dịch thuật, 1 đại diện hội Ái hữu cựu sinh viên VHH.
- (16) Ở Nghị định 1505-GD/NĐ thì ghi là “không quá 30 tuổi”, quy định này được sửa chữa bởi bản Đính-chánh số 398-GD/HV/NĐ ngày 8/3/1960 của Bộ QGGD, sửa thành “Không quá 20 tuổi”; xem bản Đính-chánh tại: CBVNCH, 10/9/1960, tr. 4.186.
- (17) Bậc Tiểu học thời Quốc gia Việt Nam và sau đó là MNVN không bố trí môn Hán văn. Xem Nghị định số 4-ND/GD do Bộ trưởng Phan Huy Quát ký ngày 27/8/1949 ấn định Chương trình Tiểu học áp dụng từ năm học 1949-1950, in trong: *Công báo [Quốc gia] Việt Nam*, 27/8/1949, tr. 45-72.
- (18) Xem Chương trình Trung học Hoàng Xuân Hãn trong: *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, tập I, Hữu Ngọc và Nguyễn Đức Hiền sưu tập, biên soạn, Hà Nội, Nxb Giáo dục, 1998, tr. 773-850. Để biết tường tận hơn về chương trình này, xem: 1) Nguyễn Anh Dũng, “Chương trình Hoàng Xuân Hãn trong tiến trình giáo dục Việt Nam”, *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, tập I, đã dẫn, tr. 84-87; 2) Nguyễn Q. Thắng, “Giáo sư Hoàng Xuân Hãn: Nhà giáo dục và Chương trình Trung học Việt Nam năm 1945”, *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, tập I, đã dẫn, tr. 260-272.
- (19) Về lịch sử các Chương trình Trung học ở MNVN giai đoạn 1945-1975, xem: Nguyễn Q. Thắng, *Khoa cử và giáo dục Việt Nam*, TP HCM, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2005, tr. 184-262.
- (20) Xem: Nguyễn Thanh Liêm chủ biên, *Giáo dục ở miền Nam tự do trước 1975*, Santa Ana, Lê Văn Duyệt Foundation, 2006, tr. 12-50.
- (21) Số liệu thống kê trích từ: *Thành tích chín năm hoạt động của chính phủ Việt Nam Cộng hòa*, Saigon: Ấn quán Mai Linh, 1963, tr. 398; các số liệu % đã được làm tròn.
- (22) Xem Nghị định 9-NĐ/GD, về việc ban hành Chương trình Trung học, trong *Công báo [Quốc gia] Việt Nam*, 17/9/1949, tr. 93-120. Phần chương trình Hán học xem các trang 97-100, quy định cụ thể nội dung Hán văn giảng dạy ở từng lớp của mỗi ban.
- (23) Bộ Văn hóa Giáo dục, *Chương-trình Trung-học niên khóa 1972-1973 (từ lớp 6 đến lớp 12)*, Sài Gòn, Nxb Hiện đại, 1972, tr. 12-14.
- (24) Ông Lương Trọng Hối được chỉ định giữ chức Phó Giám đốc theo Sắc lệnh số 356-GD ngày 24/12/1959 của Tổng thống Ngô Đình Diệm, xem: CBVNCH, 09/01/1960, tr. 72, điều thứ nhất viết: “Nay đặc-nhiệm Ô. Lương trọng Hối, dân-biểu Quốc-hội, trong thời-hạn 12 tháng kể từ ngày 1-1-1960 để giữ chức-vụ phó giám-đốc viện Hán-học thuộc viện đại-học Huế”. Theo thông tin trong cuốn *Cổ học tinh hoa văn tập* của Tỉnh hội Cổ học Quảng Nam (Quảng Nam, 1962, bìa 2), thì Lương Trọng Hối là Hội trưởng Tỉnh hội Cổ học Quảng Nam, một chi nhánh quan trọng của Hội Cổ học Việt Nam có trụ sở chính tại Huế.
- (25) Theo Lý Văn Nghiên, 2009, tr. 232-233. Nguyễn Lý Tưởng cho rằng ông Võ Như Nguyễn làm Giám đốc VHH từ năm 1962, ông Trần Điền làm từ năm 1964. Xem: *Thuyền ai đợi bến Vãn Lâu*, California, tác giả xuất bản, 2001, tr. 215.
- (26) Bà Võ Hồng Phi cho biết, 2 GS Phan Chí Chương và La Hoài là người gốc Hoa.
- (27) Danh sách Ban Giám đốc và Ban Giảng huấn của VHH được rút từ bài viết của Nguyễn Lý Tưởng [2000: 112], có điều chỉnh lại một số tên người, như Cao Xuân Duẩn, Trương Xuân Trục, Ngô Đình Nhuận chứ không phải Cao Xuân Dũng, Lê Văn Trục, Ngô Xuân Nhuận.
- (28) Hội Cổ học Huế thành lập năm 1954, ban đầu hoạt động ở miền Trung, sau được phép hoạt động trên toàn lãnh thổ MNVN. Đối với các hoạt động Nho giáo ở MNVN giai đoạn

- 1955-1975, Hội Cổ học Huế giữ vai trò “khởi xướng” (còn “chủ xướng” lại là Hội Khổng học Việt Nam), với mục đích phát dương văn hóa truyền thống, cổ động tôn sùng đạo Khổng.
- (29) Qua trao đổi riêng, ông Nguyễn Lý Tưởng kể rằng năm đầu có khoảng 700 thí sinh nộp đơn dự thi vào VHH.
- (30) Nghị định số 456-GD/HB/NĐ của Bộ QGGD ký ngày 16/3/1960 về việc cấp học bổng cho sinh viên VHH năm học 1959-1960 kể từ ngày 01/01/1960, xem: CBVNCH, 09/4/1960, tr. 1.545-1.546).
- (31) Danh sách 40 sinh viên Khóa 1 theo thứ tự gồm: Ngô Văn Lại, Dương Trọng Khương, Hoàng Văn Sự, Phan Thị Hồng Hạnh, Tôn Thất Nguyên, Trần Vinh Anh, Vương Hữu Lễ, *Hồ Xuân Nhơn*, *Phan Cao Quang*, Nguyễn Đức Cung, Phan Rơi [tức Phan Thuận An], *Hồ Tú*, Hồ Thị Lài, Hoàng Công Phu, Ngô Hữu Kính, Nguyễn Hữu Tuấn, Đặng Văn Cơ, Ngô Khôn Liêu, Phạm Liễu, Nguyễn Lý Tưởng; và 20 sinh viên được cấp học bổng bán phần gồm: Hoàng Xuân Minh, Trần Văn Thắng, *Phan Trị*, Lê Nhất, Lê Ngọc Bích, Nguyễn Thị Kim Chi, Thân Trọng Thanh, *Hoàng Hối*, *Phạm Hữu Vinh*, *Nguyễn Đức Đô*, Hồ Văn Ngũ, Nguyễn Đăng Phú, Trần Văn Hoàn, Trần Duy Lộc, Trần Bá Nhân, *Lê Văn Phụng*, Trương Quý Đô, Nguyễn Phong, La Cảnh Hùng, *Trần Đình Tuấn* (những tên người *in nghiêng* không có trong danh sách của Nguyễn Lý Tưởng). Danh sách họ tên trong bài báo của Nguyễn Lý Tưởng thật ra có 31 người, chứ không phải 30 như tác giả nói [2000: 116]. Tác giả cũng ghi nhầm tên 4 người (có lẽ là do ghi theo trí nhớ sau 40 năm): Trương Quý Đô thành Ngô Đình Đô, Đặng Văn Cơ thành Lê Văn Cơ, Trần Duy Lộc thành Trần Đình Lộc, Nguyễn Đăng Phú thành Nguyễn Đức Phú.
- (32) Về học bổng, Nguyễn Lý Tưởng [2000: 112] kể lại, theo thông tin tuyển sinh của Bộ QGGD đăng trên báo chí, khóa đầu sẽ lấy 30 sinh viên, bộ cấp học bổng toàn phần (700 đồng một tháng) cho 15 sinh viên, số còn lại sẽ hưởng học bổng bán phần (350 đồng một tháng). Bà Võ Hồng Phi cho biết, một số bạn đồng môn của bà vẫn nhớ rằng học bổng toàn phần được cấp là 450 đồng một tháng.
- (33) Nghị định số 688-GD/HB/NĐ ngày 18/4/1960 “bôi tên 2 sinh-viên trong danh-sách sinh-viên năm thứ nhất viện Hán-học Huế niên-học 1959-1960”, là 2 sinh viên “Tran đình Tuan và Hoang Hoi” (nguyên bản viết không dấu, tức Trần Đình Tuấn và Hoàng Hối) “vì đã tự ý bỏ học”, đồng thời bổ sung một thí sinh tên là “Tran đình Đình” vốn đầu dự khuyết, được cấp học bổng bán phần kể từ ngày 1/2/1960. Nghị định số 995-GD/HB/NĐ ngày 10/6/1960 “hủy bỏ phần học-bổng cấp cho 2 sinh-viên năm thứ nhất viện Hán-học về niên-học 1959-1960”, là sinh viên Hồ Tú và Phan Trị, kể từ ngày 01/4/1960, lý do “vì đã thôi học”. Bốn sinh viên thôi học kể trên không nằm trong danh sách mà Nguyễn Lý Tưởng cung cấp; sinh viên “Tran đình Đình” được bổ sung nhưng có lẽ không theo học, vì không có trong danh sách của Nguyễn Lý Tưởng. Xem hai Nghị định này tại: CBVNCH, 14/5/1960, tr. 2.164; 2/7/1960, tr. 3.071.
- (34) Số sinh viên của 3 khóa đầu tiên, theo Lý Văn Nghiên thì lần lượt là 30, 60, 60 [2009: 226], theo Nguyễn Lý Tưởng thì là 30, 60, 80 [2000: 116]. Nguyễn Lý Tưởng còn ghi đầy đủ họ tên của toàn bộ sinh viên từng khóa.
- (35) Theo con số của Nguyễn Lý Tưởng, nếu cộng lại tổng số thì là 170 sinh viên, nhưng có lẽ do điều kiện nào đó mà một số sinh viên chuyển trường hoặc thôi học, cho nên đến năm 1962 chỉ còn tổng số 140 sinh viên. Xem: *Thành tích tám năm hoạt động của chánh phủ Việt Nam Cộng hòa*, Sài Gòn, Ấn quán Mai Linh, 1962, tr. 786.
- (36) *Thành tích chín năm hoạt động của chánh phủ Việt Nam Cộng hòa*, Sài Gòn: Ấn quán Mai Linh, 1963, tr. 400.
- (37) Xem Nghị định số 794-GD/HB/NĐ do Tổng trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục Bùi Tường Huân ký ngày 24/4/1964 về việc cấp học bổng cho sinh viên các trường cao đẳng và đại học tại Huế, niên khóa 1963-1964 (xem: CBVNCH, 16/5/1964, tr. 1.694-1.701). Trong nghị định này phân chia thành 2 loại học bổng cũ và mới. Về học bổng cũ: Khóa 1 có 20 người, Khóa 2 có 49, Khóa 3 có 31, Khóa 4 có 23, tổng số là 123 sinh viên. Về học bổng mới: Khóa 2 có 3, Khóa 3 có 3, Khóa 4 có 5, Khóa 5 có 15, tổng số là 26 sinh viên.

- (38) Hoàng Bồng, “Bỏ Hán học là từ chối văn hóa dân tộc, phá hủy nền căn bản đức dục của Việt Nam”, *Chính luận*, số 357, ra ngày 02/6/1965, tr. 4.
- (39) Nghị định số 501-GD/HV/NĐ do Tổng trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục Bùi Tường Huân ký ngày 06/3/1964, ấn định kỳ thi tốt nghiệp cho sinh viên năm thứ nhất Viện Hán học, niên khóa 1959-1964; xem: CBVNCH, 28/3/1964, tr. 1.086-1.087.
- (40) Về số sinh viên Khóa 1 tốt nghiệp, xem “Danh-sách sinh-viên tốt-nghiệp viện Hán-học khóa ngày 8-6-1964 - Niên-học 1963-1964”, in trong CBVNCH, 18/7/1964, tr. 2.539. Danh sách này ghi danh 19 người tốt nghiệp có xếp hạng, lần lượt là: Vương Hữu Lễ, Dương Trọng Khương, Phan Thuận An, Ngô Khôn Liêu, Trần Bá Nhẫn, Nguyễn Hữu Tuân, Ngô Hữu Kính, Trần Văn Hoành, Hoàng Xuân Minh, Nguyễn Thị Kim Chi, Nguyễn Đức Đô, Phan Thị Hồng Hạnh, La Cảnh Hùng, Trần Duy Lộc, Hoàng Công Phu, Hồ Văn Ngữ, Lê Nhất, Hồ Thị Lại, Nguyễn Đăng Phú. Danh sách được ký duyệt ngày 16/6/1964 bởi Chủ sự Văn phòng Viện Hán học Phạm Ngọc Hương, và duyệt y bởi Viện trưởng VDH Huế Cao Văn Luận.
- (41) Lý Văn Nghiên 2009: 229.
- (42) Vấn đề Phật giáo MNVN được đưa ra Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc ngày 04/9/1963. Cuối tháng 10/1963, Phái đoàn điều tra của Liên Hiệp Quốc gồm 16 thành viên đại diện cho 7 quốc gia đã sang Việt Nam để tiến hành điều tra. Báo cáo điều tra của Phái đoàn có bản tiếng Anh và tiếng Pháp, dịch giả Võ Đình Cường đã dịch ra tiếng Việt từ bản tiếng Pháp, lấy nhan đề *Vi phạm nhân quyền tại Miền Nam Việt Nam*, Sài Gòn, Hùng khanh xuất bản, 1966. Xem bản tiếng Anh: *Report of United Nations Fact-Finding Mission to South Viet-Nam*, Document A/5630, Washington DC, US Government Printing Office, 1964.
- (43) Hồi ký của Linh mục Cao Văn Luận viết: “Khoảng giữa tháng 8, Đức cha Ngô Đình Thục vào Sài Gòn để nghị với ông Diệm bãi chức Viện trưởng [Viện] Đại học [Huế] của tôi và bổ nhiệm viện trưởng [trưởng] mới. Đức Cha có lẽ đã nghĩ rằng tôi không tích cực trong việc vận động sinh viên [viên] Phật tử, hoặc ít ra im lặng để cho sinh viên Phật tử tham gia các cuộc đấu tranh Phật giáo”. Sau biến cố đảo chính 01/11/1963, Tổng thống Ngô Đình Diệm bị lật đổ, Cao Văn Luận được mời về tái nhiệm chức Viện trưởng Viện Đại học Huế từ cuối tháng 11/1963, đến tháng 9/1964 thì ông bị nhóm GS Lê Tuyên và Lê Khắc Quyền ép phải từ chức, mà từ 2 tháng trước đó ông cũng đã tự có ý định từ chức, nên nhân cơ hội đó, ông rời Huế để trở vào Sài Gòn. Xem: Cao Văn Luận, *Bên giòng lịch sử 1940-1965*, Sài Gòn, Nxb Trí dũng, 1972, các tr. 352, 397, 428-429. Trong hồi ký, Cao Văn Luận dành nhiều dung lượng (rải rác các tr. 277-429) nói đến sự thành lập và hoạt động của Viện Đại học Huế cũng như các đơn vị thành viên trực thuộc, nhưng không nói đến Viện Hán học.
- (44) Xem toàn văn bản Thông cáo của các vị Khoa trưởng tại: Quốc Tuệ, *Công cuộc tranh-dấu của Phật-giáo Việt-Nam từ Phật-dẫn đến Cách-mạng 1963*, in năm 1964 (không ghi nhà xuất bản và nơi xuất bản), tr. 364-365.
- (45) Xem toàn văn bản Tuyên cáo của Viện Hán học tại: Quốc Tuệ, 1964, tr. 365-366. In nghiêng trong nguyên bản.
- (46) Về diễn biến của biến cố Phật giáo năm 1963, xem các tài liệu sau: *Vi phạm nhân quyền tại Miền Nam Việt Nam* (báo cáo của Phái đoàn điều tra Liên Hiệp Quốc về vụ đàn áp Phật giáo 1963), Võ Đình Cường dịch, Sài Gòn: Hùng khanh xuất bản, 1966; Lê Cung, *Phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963*, Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003; Edward Miller, *Misalliance: Ngo Dinh Diem, the United States, and the Fate of South Vietnam*, Cambridge, MA, Harvard University Press, 2013, p. 260-326; Chính đạo, *Tôn giáo và chính trị: Phật giáo 1963-1967*, Houston, Nxb Văn hóa, 1994.
- (47) Cao Văn Luận (1957-8/1963), Trần Hữu Thế (8/1963-10/1963), Trương Văn Chôm (10/1963-11/1963), Cao Văn Luận (11/1963-9/1964), Bùi Tường Huân (9/1964-1966). Về các văn bản thay đổi Viện trưởng, xem: Sắc lệnh số 123-GD ngày 9/10/1963 cử ông Trương Văn Chôm giữ chức Viện trưởng (CBVNCH, 19/10/1963, tr. 2.762); Sắc lệnh số 4-GD ngày 08/11/1963 tái cử Cao Văn Luận giữ chức Viện trưởng (CBVNCH, 7/12/1963, tr. 84).
- (48) Lý Văn Nghiên 2009: 236-237.

- (49) Lý Văn Nghiên 2009: 242-243.
- (50) Lý Văn Nghiên 2009: 230-232.
- (51) Lý Văn Nghiên 2009: 233-234.
- (52) Lý Văn Nghiên 2009: 241.
- (53) Hoàng Bồng, “Vì sao chánh phủ bãi bỏ viện Hán học?”, *Chính luận*, số 331, ngày 01/5/1965, tr. 4.
- (54) Đặng Bình, “Tại sao người Việt phải học chữ Hán?”, *Chính luận*, số 339, ngày 12/5/1965, tr. 4.
- (55) Việt Dân, “Nâng Viện Hán học lên Hàn lâm viện Hán học”, *Chính luận*, số 347, ngày 21/5/1965, tr. 4.
- (56) Tịch Đàm vong tổ (籍談忘祖, Tịch Đàm quên tổ tiên) là điển cố trong sách *Tả truyện*, kể chuyện quan đại phu nước Tấn là Tịch Đàm đi sứ nhà Chu, trong bữa tiệc đã bị Chu vương trách vì không nhớ rằng trước đây nước Tấn từng được nhà Chu ban thưởng. Điển cố này thường được dùng để phê phán việc lãng quên nguồn gốc sự kiện, hoặc quên mất lịch sử nước mình.
- (57) Từ năm 1961 đến 1980, Viện Nghiên cứu Văn hóa và Ngôn ngữ thuộc Đại học Keio (慶應義塾大学言語文化研究所), Tokyo, Nhật Bản đã tổ chức in (theo dạng ảnh ấn) bộ *Đại Nam thực lục*, tổng cộng 19 tập.
- (58) Hoàng Bồng, “Bỏ Hán học là từ chối văn hóa dân tộc, phá hủy nền căn bản đức dục của Việt Nam”, *Chính luận*, số 357, ra ngày 2/6/1965, tr. 4.
- (59) Học giả Đài Loan là Trần Dĩ Lệnh (Chen Yiling 陳以令) trong khi bàn tới Hán học MNVN cũng nhắc đến một văn bản của Tổng trưởng Giáo dục Nguyễn Tiến Hỷ, với nội dung khá giống với *Thông cáo* này. Trần Dĩ Lệnh trích lời Nguyễn Tiến Hỷ: “Viện Hán học thuộc Viện Đại học Huế được thành lập với mục đích đào tạo một số nhân lực chuyên môn về Hán học, để phục vụ việc nghiên cứu, dịch thuật, biên soạn về tư tưởng học thuật cổ đại của hai nước Trung-Việt, đồng thời phát huy văn hóa vốn có của Việt Nam. Nhưng hoạt động của Viện Hán học chưa được như mong muốn, không thể đạt được những mục đích kể trên, lại gần như trùng lặp với Ban Hán văn của Viện Đại học Sài Gòn. Vả lại, sinh viên tốt nghiệp của Viện Hán học gặp phải nhiều khó khăn trong khi tìm việc làm, cho nên phải giải tán viện. Với những sinh viên còn đang học, thì lần lượt chuyển sang học tại Đại học Sư phạm Huế và Đại học Sư phạm Quy Nhơn”. Xem: 陳以令, “越南的漢學研究”, 載 “世界各國漢學研究論文集---第二輯”, 台北: 防研究院與中華大典編印會合作出版, 1967, 44頁, 大同義如 trên.
- (60) “Quanh việc chấm dứt hoạt động của Viện Hán học, trực thuộc Viện Đại học Huế”, *Chính luận*, số 367, ngày 13-14/6/1965, tr. 4.
- (61) CBVNCH, 09/10/1965, tr. 3.838. Cũng xem: *Quy-pháp vưng-tập (quyển VIII, từ 1-1-1965 đến 31-12-1965, tập II)*, Sài Gòn, Sở Công-báo ấn-hành, 1966, tr. 353.
- (62) “Giải tán Viện Hán học”, *Tự do* (nhật báo Saigon), 27/9/1965, tr. 1.
- (63) Ba lần ban hành nghị định về học vụ gồm: 1) Nghị định số 742-VHGD/PC/NĐ ngày 26/5/1965 (hiện chưa tìm được toàn văn); 2) Nghị định số 1091-GD/PC/NĐ ngày 18/5/1967 do Ủy viên Giáo dục Nguyễn Văn Thơ ký; 3) Nghị định số 2143-GD/PC/NĐ ngày 21/9/1967 cũng do Nguyễn Văn Thơ ký. Hai nghị định số (2) và (3), lần lượt xem tại: *Quy-pháp vưng tập (quyển X, từ 1-1-1967 đến 31-12-1967, tập II)*, Sài Gòn, Sở Công-báo ấn-hành, 1969, tr. 1.233-1.234, tr. 1.234-1.235. Cả 3 nghị định này đều quy định về việc giải quyết vấn đề học tập cho sinh viên VHH chưa tốt nghiệp, trong đó nghị định ra sau thì sửa đổi và phủ định nghị định ra trước. Nghị định số (1) không phải là “bãi bỏ Viện Hán-học thuộc Viện Đại-học Huế (NĐ-742/VHGD)” như Đoàn Thêm đã viết; xem: Đoàn Thêm, 1965 (*Việc từng ngày*), Sài Gòn: Phạm Quang Khai xuất bản, 1968, tr. 87. Đoàn Thêm cũng ghi sai số Nghị định, “742-VHGD/PC/NĐ” đã bị nhầm thành “NĐ-742/VNGD”.
- (64) *Quy-pháp vưng tập (quyển X, từ 1-1-1967 đến 31-12-1967, tập II)*, Sài Gòn, Sở Công-báo ấn-hành, 1969, tr. 1.234-1.235.

- (65) Hai bài viết của Nguyễn Lý Tưởng [2000] và Lý Văn Nghiên [2009] đã kể lại nhiều hoạt động của sinh viên Viện Hán học thời còn đi học, cho thấy họ là những sinh viên năng nổ, nhiệt huyết, cá tính, sinh hoạt có tổ chức, có mối quan hệ gần gũi với các giáo sư.
- (66) Cuốn *An Nam chí lược* sau này được Nxb Lao động và Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây tại Hà Nội in lại (2009), nhưng bỏ đi toàn bộ phần phiên âm Hán Việt vốn có trong bản cũ, được trình bày song song với phần dịch nghĩa.
- (67) Châu bản (硃本, văn bản có chữ màu đỏ, do vua ngự phê) là các văn bản hành chính của triều đình được hình thành trong quá trình hoạt động quản lý điều hành nhà nước do đích thân nhà vua ban hành hoặc ngự phê trực tiếp bằng bút son (màu đỏ).
- (68) Nguyễn Văn Đăng, “Về hoạt động của nhà Đông phương học Trần Kinh Hòa (1917-1995) trên đất Việt Nam”, tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, số 1 (90). 2012, tr. 107-118.
- (69) Nguyễn Trương Đan, “Gặp người cuối cùng trong nhóm biên dịch *Mục lục châu bản triều Nguyễn*”, tạp chí *Sông Hương*, số 186, tháng 8/2004. Xem bản online tại tapchisonghuong.com.vn, ngày 1/9/2009.
- (70) Cảm ơn ông Trần Văn Quyến (Trường Đại học Phú Xuân, Huế) đã cung cấp ảnh chụp trang bản thảo này.

TÓM TẮT

Viện Hán học Huế được chính quyền Việt Nam Cộng hòa thành lập vào cuối năm 1959, theo chủ trương của Tổng thống Ngô Đình Diệm, nhằm “bảo vệ nền cổ học và văn hóa đạo đức của nước nhà do tổ tiên để lại”. Theo nghị định thành lập, Viện Hán học Huế là cơ quan kiêm nhiệm cả hai nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu Hán học ở miền Nam Việt Nam, trực thuộc Viện Đại học Huế, ngang hàng với các trường Đại học Văn khoa, Đại học Luật khoa...

Vào giai đoạn mà xã hội Việt Nam nói chung, ở miền Nam nói riêng đang chuyển đổi theo hướng Âu Mỹ hóa mạnh mẽ trên nhiều mặt, thì việc thiết lập một đơn vị chuyên trách đào tạo và nghiên cứu văn hóa truyền thống là điều hết sức cần thiết, trước khi truyền thống ấy bị đứt gãy hoàn toàn với hiện tại do không có các nhân tố con người được đào tạo đến mức đủ khả năng kết nối. Tiếc thay, do nhiều nguyên nhân khác nhau, chủ trương đúng đắn ấy đã không thành công, Viện Hán học Huế chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn, đến cuối năm 1965 thì bị giải thể.

Từ số phận ngắn ngủi của Viện Hán học Huế, có thể rút ra những kinh nghiệm lịch sử hữu ích cho việc duy trì ngành đào tạo Hán Nôm trong các trường đại học và cao đẳng ở Việt Nam hiện nay.

ABSTRACT

SINOLOGY UNDER SOCIO-CULTURAL UNREST: THE SINOLOGY INSTITUTE IN HUẾ (1959-1965)

The Sinology Institute in Huế was established by the authorities of the Republic of Vietnam in late 1959 according to the policy of President Ngô Đình Diệm, in order to “protect the traditional education, morality and culture bequeathed by our ancestors”. According to the prescriptions of the decree on establishing the Sinology Institute, it undertook to teach Chinese characters and study Sinology concurrently. It was affiliated to Huế University and on par with the Faculty of Letters, the Faculty of Law, etc...

At that time, while the South Vietnam society was strongly affected by western culture and lifestyle, the establishment of such institute was extremely necessary before national traditions would be completely fractured due to the lack of skillful people who were able to connect the past to the present. Unfortunately, that judicious policy had failed because of many reasons, and the Sinology Institute only existed in a short time when it was dissolved in late 1965.

From the short existence of the Sinology Institute in Huế, we can draw historical experiences which are useful for maintaining the study of Sino-Nôm characters in universities and colleges in Vietnam.